

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MAI LINH

(Thành lập tại nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**

Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

MAI LINH - S.A.

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	3 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	6 - 8
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	9
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	10
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	11 - 51

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn Mai Linh (gọi tắt là "Công ty mẹ") và các công ty con (Công ty mẹ và các công ty con sau đây gọi chung là "Tập đoàn") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát đã điều hành Tập đoàn trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Hồ Huy	Chủ tịch
Ông Đỗ Văn Thắng	Thành viên
Ông Lê Nguyễn Anh Tuấn	Thành viên
Ông Ngô Hữu Hùng	Thành viên
Ông Hà Đăng Luyện	Thành viên (bổ nhiệm ngày 28 tháng 4 năm 2017)
Bà Đậu Thị Bích Trâm	Thành viên (miễn nhiệm ngày 28 tháng 4 năm 2017)

Ban Tổng Giám đốc

Ông Đỗ Văn Thắng	Tổng Giám đốc
Ông Ngô Hữu Hùng	Giám đốc Tài chính
Ông Phạm Minh Sương	Giám đốc Vận hành
Ông Nguyễn Văn Hanh	Giám đốc Nội vụ
Ông Trương Quang Mẫn	Giám đốc Bảo dưỡng sửa chữa

Ban Kiểm soát

Ông Phạm Văn Thiệt	Trưởng ban
Bà Đỗ Kim Anh	Thành viên (bổ nhiệm ngày 28 tháng 4 năm 2017)
Bà Trần Thị Bích Thủy	Thành viên (bổ nhiệm ngày 28 tháng 4 năm 2017)
Bà Vũ Thị Thanh Mai	Trưởng ban (miễn nhiệm ngày 28 tháng 4 năm 2017)
Ông Tiêu Văn Hòa	Thành viên (miễn nhiệm ngày 28 tháng 4 năm 2017)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Tập đoàn và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Tập đoàn đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,




Đỗ Văn Thắng
Tổng Giám đốc
Ngày 15 tháng 9 năm 2017

PHÊ DUYỆT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Hội đồng Quản trị phê duyệt báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo. Báo cáo tài chính hợp nhất này đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Thay mặt và đại diện cho Hội đồng Quản trị,




Hồ Huy
Chủ tịch
Ngày 15 tháng 9 năm 2017

0011250
CHI NI
CÔNG
ÁCH NHIỆ
DELO
VIỆT
1 - TP.

Số: 179 /VN1A-HC-BC

BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Các Cổ đông
Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát
Công ty Cổ phần Tập đoàn Mai Linh

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Tập đoàn Mai Linh (gọi tắt là "Công ty mẹ") và các công ty con (Công ty mẹ và các công ty con sau đây gọi chung là "Tập đoàn"), được lập ngày 15 tháng 9 năm 2017, từ trang 6 đến trang 51, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410-"Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện".

Công việc soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ

Căn cứ trên các thông tin Ban Tổng Giám đốc đã cung cấp cho chúng tôi, như trình bày tại Thuyết minh số 1 phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, báo cáo tài chính của một số công ty con trực tiếp và gián tiếp đã được hợp nhất vào báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn. Tuy nhiên, báo cáo tài chính của các công ty con này chưa được soát xét cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 và chưa được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 với tổng tài sản và công nợ tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 lần lượt là 367.316.468.752 đồng và 330.126.924.338 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 lần lượt là 385.157.182.119 đồng và 343.260.289.620). Tổng doanh thu và lợi nhuận sau thuế của các công ty này cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 lần lượt là 379.051.809 đồng và âm 4.704.640.644 đồng (tổng doanh thu và lợi nhuận sau thuế cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 lần lượt là 899.590.905 đồng và âm 4.478.692.966 đồng). Việc hợp nhất báo cáo tài chính chưa được kiểm toán của các công ty con nói trên ở niên độ trước đã dẫn đến việc chúng tôi đưa ra ý kiến kiểm toán ngoại trừ đối với báo cáo tài chính hợp nhất của niên độ đó. Do báo cáo tài chính của các công ty con như đề cập ở trên chưa được soát xét, chúng tôi không thể xác định được tính hợp lý của số liệu đã hợp nhất vào báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017. Do đó, chúng tôi không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh các số liệu này hay không.

Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ (Tiếp theo)

Như trình bày tại Thuyết minh số 8 phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, Tập đoàn chưa tính toán và trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi cho các khoản phải thu và phải thu khác đối với các công ty liên kết và các công ty được xác định là công ty liên quan của Tập đoàn theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam, với số tiền các khoản phải thu và phải thu khác là 635.079.107.257 đồng tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016: 613.264.842.647 đồng). Việc không ghi nhận khoản chi phí dự phòng ước tính trên xuất phát từ quyết định của Ban Tổng Giám đốc ở niên độ trước và đã dẫn đến việc chúng tôi đưa ra ý kiến kiểm toán ngoại trừ đối với báo cáo tài chính hợp nhất của niên độ đó. Tại thời điểm phát hành báo cáo này, chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ thông tin làm cơ sở xác định mức dự phòng hợp lý cho các khoản nợ phải thu từ các công ty này. Do đó, chúng tôi không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh các số liệu này hay không.

Như trình bày tại Thuyết minh số 10 phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, từ những năm trước Tập đoàn đã ghi nhận một phần chi phí lãi vay và một số chi phí hoạt động kinh doanh trên khoản mục "Chi phí trả trước dài hạn" trên bảng cân đối kế toán hợp nhất mà không ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh theo quy định của chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam. Việc không ghi nhận các chi phí này xuất phát từ quyết định của Ban Tổng Giám đốc ở những niên độ trước và đã dẫn đến việc chúng tôi đưa ra ý kiến kiểm toán ngoại trừ đối với báo cáo tài chính hợp nhất của niên độ đó. Nếu Tập đoàn thực hiện ghi nhận vào chi phí theo chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, chi tiêu "Chi phí trả trước dài hạn" và "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối" tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 sẽ giảm với số tiền là 608.865.226.403 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016: 608.865.226.403 đồng).

Như trình bày tại Thuyết minh số 17 phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, Tập đoàn đã trích lập dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn nhưng chưa bao gồm khoản ước tính dự phòng giảm giá cho khoản đầu tư có tổng giá trị là 82.500.000.000 đồng mà Công ty Cổ phần Mai Linh Nam Trung Bộ và Tây Nguyên (Công ty con) đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Phú Mỹ, tương ứng 1.100.000 cổ phần (mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần), chiếm 1,48% tỷ lệ sở hữu và biểu quyết tại công ty này. Tương tự, khoản dự phòng cũng chưa bao gồm khoản ước tính dự phòng giảm giá của khoản đầu tư khác có tổng giá trị là 48.901.743.920 đồng mà Công ty Cổ phần Mai Linh Miền Nam (Công ty con) đầu tư vào Công ty TNHH Mai Linh Tây Nam Bộ (đầu tư khác của Tập đoàn), tương ứng 18% tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết tại công ty này. Việc không ước tính và ghi nhận chi phí dự phòng nói trên xuất phát từ quyết định của Ban Tổng Giám đốc ở niên độ trước và đã dẫn đến việc chúng tôi đưa ra ý kiến kiểm toán ngoại trừ đối với báo cáo tài chính hợp nhất của niên độ đó. Tại thời điểm phát hành báo cáo này, chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng thích hợp để đánh giá làm căn cứ trích lập dự phòng (có thể có) đối với các khoản đầu tư này tại ngày 30 tháng 6 năm 2017. Do đó, chúng tôi không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh các số liệu này hay không.

Kết luận ngoại trừ

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, ngoại trừ những ảnh hưởng của các vấn đề được nêu tại đoạn "Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ", chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, và kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Các vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi muốn lưu ý người đọc đến Thuyết minh số 2 phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, Tập đoàn đã báo cáo một khoản lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là âm 795.066.771.962 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016: âm 803.750.510.805 đồng), và cũng tại ngày này, tổng nợ phải trả ngắn hạn đã vượt quá tổng tài sản ngắn hạn là 1.262.542.777.522 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016: 1.518.369.613.194 đồng). Những yếu tố này có thể gây ra sự nghi ngờ về khả năng hoạt động liên tục của Tập đoàn. Kế hoạch của Ban Tổng Giám đốc liên quan đến vấn đề này cũng được trình bày tại Thuyết minh số 2. Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo của Tập đoàn chưa bao gồm bất kỳ điều chỉnh nào có thể có phát sinh từ kết quả của sự kiện không chắc chắn này. Kết luận ngoại trừ của chúng tôi không liên quan đến vấn đề này.

BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Các vấn đề cần nhấn mạnh (Tiếp theo)

Như trình bày tại Thuyết minh số 40 phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, trong năm 2012, Công ty Cổ phần Tập đoàn Mai Linh và các bên liên quan ký các hợp đồng mua bán cổ phần của Công ty Cổ phần Mai Linh Miền Bắc với một cá nhân. Tuy nhiên, đến thời điểm hiện tại, sổ đăng ký cổ đông của Công ty Cổ phần Mai Linh Miền Bắc không thể hiện sự thay đổi về cổ đông liên quan tới giao dịch này. Công ty Cổ phần Mai Linh Miền Bắc đã nhận được Thông báo số 114/TB-TLVA ngày 31 tháng 5 năm 2016 của Tòa án Nhân dân thành phố Hà Nội về việc thụ lý vụ án liên quan đến tranh chấp phát sinh từ giao dịch chuyển nhượng cổ phần nêu trên. Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo chưa bao gồm bất kỳ điều chỉnh nào có thể phát sinh từ sự kiện nêu trên. Kết luận ngoại trừ của chúng tôi không liên quan đến vấn đề này.



Nguyễn Minh Thao

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 1902-2013-001-1

CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 15 tháng 9 năm 2017

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2017		31/12/2016	
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.349.123.967.017		1.257.631.873.992	
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	65.909.038.560		60.541.316.005	
1. Tiền	111		64.909.038.560		59.541.316.005	
2. Các khoản tương đương tiền	112		1.000.000.000		1.000.000.000	
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		695.461.752		695.461.752	
1. Chứng khoán kinh doanh	121		346.000.000		346.000.000	
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		(304.000.000)		(304.000.000)	
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		653.461.752		653.461.752	
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		1.206.261.605.794		1.106.471.478.462	
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5	381.985.752.114		360.091.775.811	
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		32.164.583.168		30.341.434.304	
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	6	68.693.105.935		86.316.105.935	
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	7	816.816.786.363		723.129.003.478	
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(93.693.911.260)		(93.421.619.002)	
6. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		295.289.474		14.777.936	
IV. Hàng tồn kho	140	9	26.892.598.009		28.250.807.357	
1. Hàng tồn kho	141		27.218.335.597		28.606.209.893	
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(325.737.588)		(355.402.536)	
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		49.365.262.902		61.672.810.416	
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	10	40.171.489.773		42.788.324.396	
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		4.964.217.624		16.420.446.613	
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		4.229.555.505		2.464.039.407	

500-00
NHÂN
CÔNG TY
TẬP ĐOÀN
MAI LINH
HỒ CHÍ MINH

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị: VND	
			30/6/2017	31/12/2016
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		4.003.136.388.620	4.410.654.175.859
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		322.819.016.792	330.726.948.448
1. Trả trước cho người bán dài hạn	212		1.360.000.000	-
2. Phải thu về cho vay dài hạn	215	6	128.299.603.460	127.279.210.613
3. Phải thu dài hạn khác	216	7	208.633.129.332	218.921.453.835
4. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		(15.473.716.000)	(15.473.716.000)
II. Tài sản cố định	220		2.639.283.055.632	2.961.226.756.269
1. Tài sản cố định hữu hình	221	11	2.214.924.089.948	2.532.622.919.910
- Nguyên giá	222		3.862.225.212.428	4.257.579.587.128
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1.647.301.122.480)	(1.724.956.667.218)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	12	219.054.484.467	221.793.150.318
- Nguyên giá	225		252.057.271.914	237.566.636.460
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(33.002.787.447)	(15.773.486.142)
3. Tài sản cố định vô hình	227	13	205.304.481.217	206.810.686.041
- Nguyên giá	228		213.875.684.778	213.875.684.778
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(8.571.203.561)	(7.064.998.737)
III. Bất động sản đầu tư	230	14	172.532.326.677	174.515.456.871
- Nguyên giá	231		198.313.019.200	198.313.019.200
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(25.780.692.523)	(23.797.562.329)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		50.938.108.272	91.155.960.914
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	15	50.938.108.272	91.155.960.914
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		135.110.708.787	151.736.708.787
1. Đầu tư vào công ty liên kết	252	16	9.521.964.867	9.521.964.867
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	17	141.584.035.920	158.210.035.920
3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	18	(15.995.292.000)	(15.995.292.000)
VI. Tài sản dài hạn khác	260		682.453.172.460	701.292.344.570
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	10	664.735.420.423	679.505.238.499
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	19	6.653.519.661	6.770.235.797
3. Lợi thế thương mại	269	20	11.064.232.377	15.016.870.274
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		5.352.260.355.638	5.668.286.049.851

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị: VND	
			30/6/2017	31/12/2016
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		4.780.754.404.107	5.109.365.570.477
I. Nợ ngắn hạn	310		2.611.666.744.539	2.776.001.487.186
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	21	203.883.402.344	251.449.276.909
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		11.588.483.620	16.439.317.815
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	22	87.611.597.578	83.426.645.267
4. Phải trả người lao động	314		84.425.156.157	106.652.880.619
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	23	93.530.808.671	108.332.541.804
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		1.404.033.809	575.658.174
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	24	807.549.244.822	818.586.584.179
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	25	1.317.589.973.047	1.382.437.813.531
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		4.084.044.491	8.100.768.888
II. Nợ dài hạn	330		2.169.087.659.568	2.333.364.083.291
1. Phải trả người bán dài hạn	331	21	5.414.414.673	5.051.534.681
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		102.982.405	360.000.000
3. Chi phí phải trả dài hạn	333	23	-	338.191.477
4. Phải trả dài hạn khác	337	24	1.397.338.718.398	1.404.132.925.752
5. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	26	748.225.270.877	905.472.937.916
6. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		17.936.339.639	17.936.339.639
7. Dự phòng phải trả dài hạn	342		69.933.576	72.153.826
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		571.505.951.531	558.920.479.374
I. Vốn chủ sở hữu	410		571.505.951.531	558.920.479.374
1. Vốn cổ phần	411	27	1.016.716.630.000	1.016.716.630.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		1.016.716.630.000	1.016.716.630.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	27	30.248.557.252	30.248.557.252
3. Cổ phiếu quỹ	415	27	(30.922.400.000)	(30.922.400.000)
4. Quỹ đầu tư phát triển	418	27	25.401.448.748	25.427.654.648
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	27	(795.066.771.962)	(803.750.510.805)
- Lợi nhuận chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		(806.503.508.087)	(829.439.659.759)
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		11.436.736.125	25.689.148.954
6. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429	28	325.128.487.493	321.200.548.279
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		5.352.260.355.638	5.668.286.049.851



Trần Thị Hồng Minh
Người lập biểu



Trịnh Bá Cường
Kế toán trưởng



Đỗ Văn Thắng
Tổng Giám đốc
Ngày 15 tháng 9 năm 2017

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2017 đến 30/6/2017	Từ 01/01/2016 đến 30/6/2016
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	30	1.730.805.849.147	1.825.887.291.813
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	30	9.008.431.292	7.913.645.935
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		1.721.797.417.855	1.817.973.645.878
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	31	1.437.314.630.231	1.533.167.473.510
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		284.482.787.624	284.806.172.368
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	33	8.963.776.989	12.420.035.088
7. Chi phí tài chính	22	34	96.506.209.969	98.934.177.933
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		89.603.933.890	95.587.532.790
8. Chi phí bán hàng	25	35	83.204.779.053	68.163.077.512
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	35	161.251.400.273	155.714.877.678
10. Lỗ thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(25+26))	30		(47.515.824.682)	(25.585.925.667)
11. Thu nhập khác	31		91.619.091.087	106.929.445.578
12. Chi phí khác	32		15.145.843.643	15.808.668.651
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40	36	76.473.247.444	91.120.776.927
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		28.957.422.763	65.534.851.260
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	37	8.753.931.427	12.290.490.748
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	37	116.716.137	542.482.428
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		20.086.775.199	52.701.878.084
Phân phối cho:				
Lợi nhuận của cổ đông Công ty mẹ	61		11.436.736.125	38.116.073.407
Lợi nhuận của cổ đông không kiểm soát	62		8.650.039.074	14.585.804.677
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	38	110	387



Trần Thị Hồng Minh
Người lập biểu



Trịnh Bá Cường
Kế toán trưởng



Đỗ Văn Thắng
Tổng Giám đốc
Ngày 15 tháng 9 năm 2017

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ 01/01/2017 đến 30/6/2017	Từ 01/01/2016 đến 30/6/2016
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	28.957.422.763	65.534.851.260
2. Điều chỉnh cho các khoản:		309.858.100.826	297.078.612.048
Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	267.612.213.325	262.979.758.724
Các khoản dự phòng	03	2.281.108.455	742.288.036
(Lãi)/Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(17.790.780)	1.256.729.064
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(49.621.364.064)	(63.487.696.566)
Chi phí lãi vay	06	89.603.933.890	95.587.532.790
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	338.815.523.589	362.613.463.308
Thay đổi các khoản phải thu	09	27.918.088.852	(7.337.286.537)
Thay đổi hàng tồn kho	10	1.385.865.399	(1.233.743.138)
Thay đổi các khoản phải trả	11	190.411.706.493	(9.258.921.011)
Thay đổi chi phí trả trước	12	29.858.598.755	15.398.875.870
Tiền lãi vay đã trả	14	(94.801.200.161)	(101.211.142.323)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(12.469.992.080)	(15.649.323.095)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(4.544.119.069)	(4.277.577.854)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	476.574.471.778	239.044.345.220
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định	21	(241.888.289.453)	(452.767.034.163)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	22	102.634.376.937	114.541.753.094
3. Tiền chi cho vay	23	(2.608.382.972)	(5.170.352.579)
4. Tiền thu hồi cho vay	24	-	1.726.080.006
5. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	606.019.543
6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	389.155.292	553.031.803
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(141.473.140.196)	(340.510.502.296)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ đi vay	33	629.674.821.365	692.300.983.853
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(913.487.289.438)	(584.859.998.773)
3. Tiền chi trả nợ gốc thuê tài chính	35	(38.965.114.404)	(1.239.800.004)
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(6.956.026.550)	(283.381.875)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(329.733.609.027)	105.917.803.201
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50	5.367.722.555	4.451.646.125
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	60.541.316.005	74.358.561.299
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60)	70	65.909.038.560	78.810.207.424

Trần Thị Hồng Minh

Trần Thị Hồng Minh
Người lập biểu

Trịnh Bá Cường

Trịnh Bá Cường
Kế toán trưởng



Đỗ Văn Thắng
Tổng Giám đốc

Ngày 15 tháng 9 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Tập đoàn Mai Linh (gọi tắt là "Công ty mẹ") và các công ty con (Công ty mẹ và các công ty con sau đây gọi chung là "Tập đoàn"), có tên giao dịch quốc tế là Mai Linh Group Corporation, viết tắt là Mai Linh Group Corp ("MLG"), tiền thân là Công ty TNHH Du lịch - Thương mại - Vận tải hành khách Mai Linh được thành lập ngày 12 tháng 7 năm 1993, theo Quyết định số 788/QĐ-UB do UBND Thành phố Hồ Chí Minh cấp, sau đó chuyển đổi hình thức sở hữu thành công ty cổ phần từ ngày 01 tháng 7 năm 2002 theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4103001038 ngày 06 tháng 6 năm 2002 do Sở Kế hoạch Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp. Tại ngày 01 tháng 11 năm 2007, Tập đoàn đổi tên thành Công ty Cổ phần Tập đoàn Mai Linh. Giấy Chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp thay đổi số 0300938037 với lần thay đổi gần nhất là lần thứ 25 do Sở Kế hoạch Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 01 tháng 9 năm 2016.

Tổng số nhân viên của Tập đoàn tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 là 23.896 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016: 29.862 người).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi, Tập đoàn đã đăng ký các hoạt động sản xuất kinh doanh trong các lĩnh vực sau:

- Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt). Chi tiết: kinh doanh vận tải khách theo tuyến cố định, bằng taxi, theo hợp đồng;
- Vận tải bằng xe buýt;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ. Chi tiết: kinh doanh vận tải hàng;
- Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác. Chi tiết: bảo dưỡng, sửa xe ô tô. Bảo dưỡng sửa chữa máy kéo, phương tiện xây dựng, phương tiện vận tải;
- Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và các động cơ khác); Chi tiết: sửa chữa đóng mới trang thiết bị, phương tiện vận tải đường thủy, đường bộ;
- Gia công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại. Chi tiết: gia công cơ khí, phụ tùng ô tô;
- Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác. Chi tiết: mua bán xe có động cơ, phương tiện vận tải, phụ tùng và bộ phận phụ trợ của xe có động cơ, nhớt, xăng, dầu, gas;
- Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác;
- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan. Chi tiết: bán buôn nhiên liệu rắn và các sản phẩm liên quan;
- Cho thuê tài sản vô hình phi tài chính. Chi tiết: dịch vụ cho thuê kiểu dáng công nghiệp, nhãn hiệu;
- Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: dịch vụ chuyển giao công nghệ;
- Giáo dục nghề nghiệp. Chi tiết: đào tạo dạy nghề, đào tạo lái xe cơ giới đường bộ;
- Cho thuê xe có động cơ. Chi tiết: cho thuê xe ô tô;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: kinh doanh bất động sản; cho thuê nhà ở, văn phòng; cho thuê nhà phục vụ các mục đích kinh doanh (ki ốt, trung tâm thương mại, văn phòng);
- Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất. Chi tiết: kinh doanh dịch vụ bất động sản, dịch vụ tư vấn bất động sản, dịch vụ quảng cáo bất động sản, dịch vụ quản lý bất động sản, dịch vụ nhà đất.
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống lưu động. Chi tiết: nhà hàng (không hoạt động tại trụ sở);
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ. Chi tiết: lai dắt, cứu hộ đường bộ. Hoạt động quản lý đường bộ, cầu, đường, hầm. Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt. Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ: hoạt động liên quan tới vận tải hành khách, hàng hóa bằng đường bộ;
- Buôn bán máy tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm;
- Buôn bán máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Chi tiết: bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi), mua bán máy đếm cây số và phụ kiện;

- Quảng cáo. Chi tiết: quảng cáo thương mại;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác. Chi tiết: xây dựng và kinh doanh dịch vụ bãi đỗ xe;
- Chuyển phát;
- Đại lý môi giới, đấu giá. Chi tiết: đại lý dịch vụ viễn thông, đại lý mua giá, ký gửi hàng hóa, dịch vụ thu hộ các chi phí tiêu dùng, đại lý ký gửi hàng hóa;
- Dịch vụ du lịch lữ hành nội địa, quốc tế;
- Dịch vụ nhận, chi trả ngoại tệ, đại lý đối ngoại tệ, dịch vụ logistic.

Hoạt động chính của Tập đoàn chủ yếu là kinh doanh dịch vụ vận tải, cụ thể như sau:

- Vận tải hành khách bằng taxi;
- Vận tải khách theo hợp đồng và vận tải khách theo tuyến cố định bằng xe chất lượng cao Express;
- Dịch vụ quảng cáo;
- Đại lý bán vé máy bay trong nước và quốc tế;
- Dạy nghề ngắn hạn;
- Cho thuê xe có động cơ;
- Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Tập đoàn được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Cấu trúc doanh nghiệp

Tập đoàn quyết định thành lập các chi nhánh tại khu vực Miền Nam và Nam Trung Bộ Tây Nguyên từ cuối năm 2014 đến năm 2016. Theo đó hoạt động kinh doanh taxi được chuyển từ công ty con tại từng tỉnh và thành phố sang chi nhánh của Tập đoàn tại tỉnh và thành phố tương ứng.

Tại ngày kết thúc kỳ hoạt động 6 tháng, Tập đoàn có các chi nhánh, các công ty con và công ty liên kết sau:

Chi nhánh

Tên chi nhánh	Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh	Địa chỉ	Tình hình hoạt động
1 Chi nhánh Công ty Cổ phần Mai Linh Đông Bắc Bộ	0300938037-005 cấp ngày 17 tháng 6 năm 2003	Số 115 Phố Phú Doãn, Phường Hàng Trống, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội	Đã ngừng hoạt động
2 Chi nhánh Du lịch lữ hành Quốc tế Mai Linh Huế	0300938037-007 cấp ngày 18 tháng 10 năm 2004	Số 12 Hùng Vương, Thành phố Huế, Tỉnh Thừa Thiên Huế	Đã ngừng hoạt động
3 Chi nhánh Mộc Bài - Công ty Cổ phần Tập đoàn Mai Linh	0300938037-015 cấp ngày 11 tháng 11 năm 2005	Kiot số 7, Đường Xuyên Á, Ấp Thuận Tây, Xã Lợi Thuận, Huyện Bến Cầu, Tỉnh Tây Ninh	Đã ngừng hoạt động
4 Chi nhánh Tây Ninh - Công ty Cổ phần Tập đoàn Mai Linh	0300938037-020 cấp ngày 11 tháng 6 năm 2008	Quốc lộ 22, Ấp Suối Sâu, Xã An Tịnh, Huyện Trảng Bàng, Tỉnh Tây Ninh	Đã ngừng hoạt động
5 Chi nhánh Tây Nguyên - Công ty Cổ phần Tập đoàn Mai Linh	0300938037-012 cấp ngày 17 tháng 01 năm 2005	Số 188 Nguyễn Tất Thành, Phường Tân Lập, Thành phố Buôn Mê Thuột, Tỉnh Đắk Lắk	Đã ngừng hoạt động
6 Chi nhánh Công ty Cổ phần Tập đoàn Mai Linh - Trung tâm xe cho thuê Mai Linh	0300938037-023 cấp ngày 11 tháng 12 năm 2010	Số 15 Đào Duy Anh, Phường 9, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh	Đang hoạt động
7 Chi nhánh Công ty Cổ phần Tập đoàn Mai Linh - Trung tâm dịch vụ viễn thông Mai Linh	0300938037-024 cấp ngày 23 tháng 3 năm 2011	Số 64-68, Hai Bà Trưng, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh	Đang hoạt động
8 Chi nhánh Công ty Cổ phần Tập đoàn Mai Linh tại Sóc Trăng	0300938037-029 cấp ngày 16 tháng 9 năm 2014	38 Lê Duẩn, Phường 3, Thành phố Sóc Trăng, Tỉnh Sóc Trăng	Đang hoạt động
9 Chi nhánh Công ty Cổ phần Tập đoàn Mai Linh tại Cần Thơ	0300938037-039 cấp ngày 01 tháng 10 năm 2014	43 Quang Trung, Khu dân cư 586, Phường Phú Thứ, Quận Cái Răng, Thành phố Cần Thơ	Đang hoạt động

Tên chi nhánh	Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh	Địa chỉ	Tình hình hoạt động
10 Chi nhánh Công ty Cổ phần Tập đoàn Mai Linh tại Bạc Liêu	0300938037-001 cấp ngày 09 tháng 9 năm 2014	Bến Xe Bạc Liêu, đường Trần Phú, Thành phố Bạc Liêu, Tỉnh Bạc Liêu	Đang hoạt động
11 Chi nhánh Công ty Cổ phần Tập đoàn Mai Linh tại Kiên Giang	0300938037-027 cấp ngày 13 tháng 9 năm 2014	D1-55 Phạm Hùng, Phường Vĩnh Hạc, Thành phố Rạch Giá, Tỉnh Kiên Giang	Đang hoạt động
12 Chi nhánh Công ty Cổ phần Tập đoàn Mai Linh tại Phú Quốc	0300938037-026 cấp ngày 13 tháng 9 năm 2014	Số 5 Nguyễn Chí Thanh, Khu phố 5, Thị trấn Dương Đông, huyện Phú Quốc, Tỉnh Kiên Giang	Đang hoạt động
13 Chi nhánh Công ty Cổ phần Tập đoàn Mai Linh tại Bình Thuận	0300938037-030 cấp ngày 16 tháng 9 năm 2014	344-346-348 Đường 19/04, Phường Xuân An, Thành phố Phan Thiết, Tỉnh Bình Thuận	Đang hoạt động
14 Chi nhánh Công ty Cổ phần Tập đoàn Mai Linh tại An Giang	0300938037-002 cấp ngày 15 tháng 9 năm 2014	20/9B Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang	Đang hoạt động
15 Chi nhánh Công ty Cổ phần Tập đoàn Mai Linh tại Bà Rịa Vũng Tàu	0300938037-003 cấp ngày 11 tháng 9 năm 2014	464 Bình Giã, Phường Nguyễn An Ninh, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa -Vũng Tàu	Đang hoạt động
16 Chi nhánh Công ty Cổ phần Tập đoàn Mai Linh tại Bình Phước	0300938037-028 cấp ngày 16 tháng 9 năm 2014	863 Quốc Lộ 14, KP Thanh Bình, Phường Tân Bình, TX Đồng Xoài, Tỉnh Bình Phước	Đang hoạt động
17 Chi nhánh Công ty Cổ phần Tập đoàn Mai Linh tại Tiền Giang	0300938037-031 cấp ngày 18 tháng 9 năm 2014	294D Lê Văn Phấm, Phường 5, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang	Đang hoạt động
18 Chi nhánh Công ty Cổ phần Tập đoàn Mai Linh tại Long An	0300938037-033 cấp ngày 18 tháng 9 năm 2014	355, Quốc Lộ 1A, Phường 4, Thành phố Tân An, Tỉnh Long An	Đang hoạt động
19 Chi nhánh Công ty Cổ phần Tập đoàn Mai Linh tại Vĩnh Long	0300938037-035 cấp ngày 20 tháng 9 năm 2014	1E Đinh Tiên Hoàng, Phường 8, Thành Phố Vĩnh Long, Tỉnh Vĩnh Long	Đang hoạt động
20 Chi nhánh Công ty Cổ phần Tập đoàn Mai Linh tại Cà Mau	0300938037-032 cấp ngày 19 tháng 9 năm 2014	405B Lý Thường Kiệt, Phường 06, Thành phố Cà Mau, Tỉnh Cà Mau	Đang hoạt động
21 Chi nhánh Công ty Cổ phần Tập đoàn Mai Linh tại Tây Ninh	0300938037-034 cấp ngày 22 tháng 9 năm 2014	45 Trần Văn Trà, Ấp Bình Trung, Xã Bình Minh, Thành phố Tây Ninh, Tỉnh Tây Ninh	Đang hoạt động
22 Chi nhánh Công ty Cổ phần Tập đoàn Mai Linh tại Đồng Tháp	0300938037-036 cấp ngày 23 tháng 9 năm 2014	15 Võ Thị Sáu, Phường 2, Thành phố Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp	Đang hoạt động
23 Chi nhánh Công ty Cổ phần Tập đoàn Mai Linh tại Đồng Nai	0300938037-037 cấp ngày 22 tháng 9 năm 2014	3/1, Khu phố 9, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai	Đang hoạt động
24 Chi nhánh Công ty Cổ phần Tập đoàn Mai Linh tại Bến Tre	0300938037-038 cấp ngày 25 tháng 9 năm 2014	299 A1, Đoàn Hoàng Minh, Phường Phú Tân, Thành Phố Bến Tre, Tỉnh Bến Tre	Đang hoạt động
25 Chi nhánh Công ty Cổ phần Tập đoàn Mai Linh tại Bình Dương	0300938037-025 cấp ngày 23 tháng 9 năm 2014	5/192 Tổ 4B, khu phố Hòa Lân 1, Phường Thuận Giao, Thị Xã Thuận An, Tỉnh Bình Dương	Đang hoạt động
26 Chi nhánh Công ty Cổ phần Tập đoàn Mai Linh tại Hậu Giang	0300938037-040 cấp ngày 04 tháng 02 năm 2015	Đường Trần Hưng Đạo, Khu phố 4, Phường 7, Thành phố Vị Thanh, Hậu Giang	Đang hoạt động
27 Chi nhánh Công ty Cổ phần Tập đoàn Mai Linh tại Nha Trang	0300938037-044 cấp ngày 16 tháng 6 năm 2015	Phước Trung 1, Xã Phước Đồng, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa	Đang hoạt động
28 Chi nhánh Công ty Cổ phần Tập đoàn Mai Linh tại Lâm Đồng	0300938037-045 cấp ngày 18 tháng 6 năm 2015	Số 186, Phạm Ngọc Thạch, Phường 6, Thành phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng	Đang hoạt động
29 Chi nhánh Công ty Cổ phần Tập đoàn Mai Linh tại Phan Rang - Tháp Chàm	0300938037-043 cấp ngày 16 tháng 6 năm 2015	Đường 16/4, Phường Mỹ Hải, Thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, Tỉnh Ninh Thuận	Đang hoạt động

Tên chi nhánh	Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh	Địa chỉ	Tình hình hoạt động
30 Chi nhánh Công ty Cổ phần Tập đoàn Mai Linh tại Đắk Lắk	0300938037-042 cấp ngày 15 tháng 6 năm 2015	Số 94 Đường Nguyễn Chí Thanh, Phường Tân An, Thành phố Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk	Đang hoạt động
31 Chi nhánh Công ty Cổ phần Tập đoàn Mai Linh tại Đắk Nông	0300938037-041 cấp ngày 11 tháng 6 năm 2015	Đường Phan Đăng Lưu, Tổ dân phố 3, Phường Nghĩa Trung, Thị xã Gia Nghĩa, Tỉnh Đắk Nông	Đang hoạt động
32 Chi nhánh Công ty Cổ phần Tập đoàn Mai Linh tại Trà Vinh	0300938037-046 cấp ngày 05 tháng 10 năm 2016	Số 390, Võ Nguyên Giáp, Khóm 10, Phường 7, Thành phố Trà Vinh, Tỉnh Trà Vinh	Đang hoạt động

Công ty con trực tiếp

Tên công ty con	Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh	Nơi thành lập và hoạt động	Hoạt động chính
1 Công ty Cổ phần Mai Linh Miền Trung	0400382219	92 Đường 2/9, Phường Bình Thuận, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng	Dịch vụ taxi
2 Công ty Cổ phần Mai Linh Miền Bắc	0103000336	Lô C2C Cụm sản xuất Tiểu thủ công nghiệp và Công nghiệp nhỏ, Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội	Dịch vụ taxi
3 Công ty Cổ phần Mai Linh Nam Trung Bộ và Tây Nguyên	0370300017	Lô số 1, Đường Cao Văn Bé, Tổ 23, Hòn Chông, Phường Vĩnh Phước, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa	Dịch vụ taxi
4 Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại Mai Linh	0302054322	1691/3N Quốc lộ 1A, Khu phố 3, Phường An Phú Đông, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh	Sản xuất và dịch vụ
5 Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Vận tải Sài Gòn Bình Minh	0303909757	Số 68, Hai Bà Trưng, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh	Dịch vụ taxi
6 Công ty Cổ phần Mai Linh Miền Nam	4103002865	Số 68, Hai Bà Trưng, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh	Dịch vụ taxi
7 Công ty TNHH Chợ Lớn Taxi	0303635640	Số 68, Hai Bà Trưng, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh	Dịch vụ taxi
8 Công ty TNHH Ba Mươi Taxi	0303697220	Số 68, Hai Bà Trưng, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh	Dịch vụ taxi
9 Công ty TNHH Deluxe Taxi	0303493918	Số 20/15 Khu phố 3, Nguyễn Thị Thập, Phường Bình Thuận, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh	Dịch vụ taxi
10 Công ty TNHH Sài Gòn Taxi	0303651755	Số 20/15 Khu phố 3, Nguyễn Thị Thập, Phường Bình Thuận, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh	Dịch vụ taxi
11 Công ty Cổ phần Mai Linh Online	0314483566	Số 64, Hai Bà Trưng, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh	Dịch vụ thông tin
12 Công ty Cổ phần UNIPAY	0314508066	Số 64, Hai Bà Trưng, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh	Dịch vụ thanh toán
13 Công ty Cổ phần Thương mại Mê Kông Xanh	0314508330	Số 64, Hai Bà Trưng, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh	Kinh doanh phụ tùng ô tô

Mặc dù Tập đoàn không sở hữu hơn 50% vốn góp của Công ty Cổ phần Mai Linh Miền Trung, Công ty Cổ phần Mai Linh Miền Bắc và Công ty Cổ phần Mai Linh Nam Trung Bộ và Tây Nguyên, nhưng theo thỏa thuận ủy quyền, Tập đoàn vẫn nắm giữ hơn 50% quyền biểu quyết và được quyền bổ nhiệm, miễn nhiệm phần lớn các thành viên Ban Tổng Giám đốc điều hành hoạt động của các công ty này. Theo đó, Công ty Cổ phần Mai Linh Miền Trung, Công ty Cổ phần Mai Linh Miền Bắc và Công ty Cổ phần Mai Linh Nam Trung Bộ và Tây Nguyên vẫn thuộc sự kiểm soát của Tập đoàn và được xem là các công ty con.

0112500
CHI NH
CÔNG
H NHIỆM H
ELOIT
TẾT N
TP. HỒ

Tại thời điểm lập Báo cáo hợp nhất giữa niên độ này, Tập đoàn có thành lập thêm 3 công ty con mới là Công ty Cổ phần Mai Linh Online theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp ngày 28/6/2017, Công ty Cổ phần UNIPAY và Công ty Cổ phần Thương mại Mê Kông Xanh theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp ngày 11 tháng 7 năm 2017. Theo đó Tập đoàn sở hữu 51% cổ phần tại 3 công ty con, tuy nhiên đến thời điểm phát hành báo cáo này Tập đoàn vẫn chưa góp đủ vốn theo như thông tin đăng ký.

Công ty con gián tiếp

Công ty con gián tiếp được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ gồm:

Tên công ty con gián tiếp	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu gián tiếp (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết năm giữ (%)	Hoạt động chính
<i>Các công ty con của Công ty Cổ phần Mai Linh Miền Trung</i>				
1 Công ty TNHH MTV Mai Linh Quảng Ngãi	134 Đại lộ Hùng Vương, Phường Trần Phú, Thành phố Quảng Ngãi, Tỉnh Quảng Ngãi	47,79%	100%	Dịch vụ taxi
2 Công ty TNHH MTV Mai Linh Tam Kỳ	Lô A42 Đường Phan Bội Châu, Phường Tân Thạnh, Thành phố Tam Kỳ, Tỉnh Quảng Nam	47,79%	100%	Dịch vụ taxi
3 Công ty TNHH MTV Mai Linh Hội An	206 Lý Thường Kiệt, Phường Sơn Phong, Thành phố Hội An, Tỉnh Quảng Nam	47,79%	100%	Dịch vụ taxi
4 Công ty TNHH MTV Mai Linh Huế	177 Phan Đình Phùng, Thành phố Huế, Tỉnh Thừa Thiên Huế	47,79%	100%	Dịch vụ taxi
5 Công ty TNHH MTV Mai Linh Quảng Trị	169 Lý Thường Kiệt, Phường Đông Lễ, Thị xã Đông Hà, Tỉnh Quảng Trị	47,79%	100%	Dịch vụ taxi
6 Công ty TNHH Mai Linh Quảng Bình	Đường Quang Trung, Phường Phú Hải, Thành phố Đồng Hới, Tỉnh Quảng Bình	47,76%	99,94%	Dịch vụ taxi
7 Công ty TNHH MTV Mai Linh Bình Định	33A Tây Sơn, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định	47,79%	100%	Dịch vụ taxi
8 Công ty TNHH MTV Mai Linh Phú Yên	239 Nguyễn Tất Thành, Phường 8, Thành phố Tuy Hòa, Tỉnh Phú Yên	47,79%	100%	Dịch vụ taxi
9 Công ty TNHH MTV Mai Linh Gia Lai	97D Phạm Văn Đồng, Phường Thống Nhất, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai	47,79%	100%	Dịch vụ taxi
10 Công ty TNHH MTV Mai Linh Kon Tum	147 Phan Đình Phùng, Phường Quang Trung, Tỉnh Kon Tum	47,79%	100%	Dịch vụ taxi
<i>Công ty con của Công ty TNHH MTV Mai Linh Huế</i>				
11 Công ty TNHH Thành Đô Huế	Nam Vĩ Dạ, Phường Vĩ Dạ, Thành phố Huế	47,79%	100%	Đã ngừng hoạt động
<i>Các công ty con của Công ty Cổ phần Mai Linh Miền Bắc</i>				
12 Công ty TNHH MTV Mai Linh Ninh Bình	Quốc lộ 1A, Đường 30/06, phố Phú Trì, Phường Nam Thành, Thành phố Ninh Bình, Tỉnh Ninh Bình	47,86%	100%	Dịch vụ taxi

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MAI LINH
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN/HN

	Tên công ty con gián tiếp	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu gián tiếp (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ (%)	Hoạt động chính
13	Công ty TNHH Mai Linh Thái Nguyên	3/1 Bắc Kạn, tổ 2, Phường Hoàng Văn Thụ, Thành phố Thái Nguyên, Tỉnh Thái Nguyên	47,86%	100%	Dịch vụ taxi
14	Công ty TNHH MTV Mai Linh Hà Nam	Lô 12 Lê Chân, Phường Lê Hồng Phong, Thành phố Phủ Lý, Tỉnh Hà Nam	47,86%	100%	Dịch vụ taxi
15	Công ty TNHH MTV Mai Linh Vinh Phúc	Khu Đoàn An Dương 18, Đầm Vạc, Phường Tích Sơn, Thành phố Vinh Yên, Tỉnh Vinh Phúc	47,86%	100%	Dịch vụ taxi
16	Công ty TNHH MTV Mai Linh Bắc Ninh	81 Huyện Quang, Phường Ninh Xá, Thành phố Bắc Ninh, Tỉnh Bắc Ninh	47,86%	100%	Dịch vụ taxi
17	Công ty TNHH MTV Mai Linh Hải Dương	181 Đại lộ Lê Thanh Nghị, Phường Phạm Ngũ Lão, Thành phố Hải Dương, Tỉnh Hải Dương	47,86%	100%	Dịch vụ taxi
18	Công ty TNHH MTV Mai Linh Hải Phòng	221 Lạch Thay, Đồng Quốc Bình, Ngô Quyền, Tỉnh Hải Phòng	47,86%	100%	Dịch vụ taxi
19	Công ty Cổ phần Mai Linh Thủ Đức	C2C, Phường Dịch Vọng, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội	41,64%	87%	Dịch vụ taxi
20	Công ty TNHH MTV Mai Linh Bắc Giang	180 Huyện Quang, Phường Hoàng Văn Thụ, Thành phố Bắc Giang, Tỉnh Bắc Giang	47,86%	100%	Dịch vụ taxi
21	Công ty TNHH Mai Linh Thanh Hóa	318 Trần Hưng Đạo, Phường Nam Ngạn, Thành phố Thanh Hóa, Tỉnh Thanh Hóa	45,94%	96%	Dịch vụ taxi
22	Công ty TNHH Mai Linh Hà Tĩnh	Xóm Mới, Xã Thạch Bình, Thành phố Hà Tĩnh, Tỉnh Hà Tĩnh	47,86%	100%	Dịch vụ taxi
23	Công ty TNHH MTV Mai Linh Nam Định	7 Đường Trần Nhân Tông kéo dài, Phường Văn Miếu, Thành phố Nam Định, Tỉnh Nam Định	47,86%	100%	Dịch vụ taxi
24	Công ty TNHH MTV Mai Linh Hưng Yên	182 Nguyễn Văn Linh, Thành phố Hưng Yên, Tỉnh Hưng Yên	47,86%	100%	Dịch vụ taxi
25	Công ty TNHH MTV Mai Linh Phú Thọ	2446 Hùng Vương, Phường Vân Cơ, Thành phố Việt Trì, Tỉnh Phú Thọ	47,86%	100%	Dịch vụ taxi
26	Công ty TNHH MTV Mai Linh Thái Bình	Số 8, lô 2, khu phố 1, Trần Thái Tông, Thành phố Thái Bình	47,86%	100%	Dịch vụ taxi
27	Công ty Cổ phần Mai Linh Hạ Long	Tổ 10, khu 4, Đường Hậu Cần, Phường Bãi Cháy, Tỉnh Quảng Ninh	35,89%	75%	Dịch vụ taxi

	Tên công ty con gián tiếp	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu gián tiếp (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết năm giữ (%)	Hoạt động chính
<i>Công ty con của Công ty Cổ phần Mai Linh Nam Trung Bộ và Tây Nguyên</i>					
28	Công ty TNHH MTV Mai Linh Phan Rang - Tháp Chàm	Đường 16/4, Phường Mỹ Bình, Thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, Tỉnh Ninh Thuận	66,35%	100%	Dịch vụ taxi
29	Công ty TNHH MTV Mai Linh Đà Lạt	14 Nguyễn Văn Cừ, Phường 1, Thành phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đông	66,35%	100%	Dịch vụ taxi
30	Công ty TNHH MTV Mai Linh Đắk Lắk	36 Ngô Gia Tự, Phường Tân An, Thành phố Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk	66,35%	100%	Dịch vụ taxi
31	Công ty TNHH MTV Mai Linh Đắk Nông	Phan Đăng Lưu, Tổ 3, Phường Nghĩa Trung, Thị xã Gia Nghĩa, Đắk Nông	66,35%	100%	Dịch vụ taxi
32	Công ty TNHH MTV Sao Mai Ninh Thuận	Đường 16 tháng 4, Phường Mỹ Bình, Thành phố Phan Rang- Tháp Chàm, Ninh Thuận	66,35%	100%	Dịch vụ taxi
33	Công ty TNHH MTV Mai Linh Champasak	Ban Phabath, Thành phố Paskse, Tỉnh Champasak, Lào	66,35%	100%	Dịch vụ taxi
<i>Công ty con của Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại Mai Linh</i>					
34	Công ty Cổ phần Sản xuất Ô tô Mai Linh	1691/3N Khu phố 3, Quốc lộ 1A, Phường An Phú Đông, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh	91,58%	91,58%	Thương mại
<i>Công ty con của Công ty Cổ phần Mai Linh Đông Nam Bộ (Công ty con của của Công ty Cổ phần Mai Linh Miền Nam)</i>					
35	Công ty TNHH MTV Mai Linh Bình Dương	5/192 tổ 4B, khu phố Hòa Lân 1, Phường Thuận Giao, Thị xã Thuận An, Tỉnh Bình Dương	83,20%	100%	Dịch vụ taxi
36	Công ty TNHH MTV Mai Linh Vũng Tàu	464E Bình Giã, Phường Nguyễn An Ninh, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	83,20%	100%	Dịch vụ taxi
37	Công ty TNHH MTV Mai Linh Bình Thuận	344/350 Đường 19/4, Phường Xuân An, Thành phố Phan Thiết, Tỉnh Bình Thuận	83,20%	100%	Dịch vụ taxi
38	Công ty TNHH MTV Mai Linh Bình Phước	692 Phú Riêng Đỏ, Tân Xuân, Đông Xoài, Tỉnh Bình Phước	83,20%	100%	Dịch vụ taxi
39	Công ty TNHH MTV Mai Linh Tây Ninh	45 Đường Trần Văn Trà, Bình Minh, thị xã Tây Ninh, Tây Ninh	83,20%	100%	Dịch vụ taxi

Đến ngày 30 tháng 6 năm 2017, một số công ty con trực tiếp và công ty con gián tiếp của Tập đoàn đã tạm ngừng hoạt động để tổ chức lại bộ máy quản lý và hoạt động theo chương trình tái cấu trúc của Tập đoàn bao gồm: Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Vận tải Sài Gòn Bình Minh, Công ty TNHH Chợ Lớn Taxi, Công ty TNHH Ba Mươi Taxi, Công ty TNHH Deluxe Taxi, Công ty TNHH Sài Gòn Taxi (các công ty con trực tiếp); Công ty TNHH MTV Mai Linh Champasak, Công ty Cổ phần Sản xuất Ô tô Mai Linh (các công ty con gián tiếp). Báo cáo tài chính chưa được soát xét của các công ty con trực tiếp và gián tiếp nêu trên đã được hợp nhất vào báo cáo của Tập đoàn cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 với tổng tài sản và công nợ tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 lần lượt là 367.316.468.752 đồng và 330.126.924.338 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 lần lượt là 385.157.182.119 đồng và 343.260.289.620 đồng). Tổng doanh thu và lợi nhuận sau thuế của các công ty này cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 lần lượt là 379.051.809 đồng và âm 4.704.640.644 đồng (tổng doanh thu và lợi nhuận sau thuế cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 lần lượt là 899.590.905 đồng và 4.478.692.966 đồng).

Theo Quyết định số 08/2017/QĐ-HĐQT.MLMB ngày 12 tháng 4 năm 2017 của Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Mai Linh Miền Bắc, Công ty Cổ phần Mai Linh Miền Bắc đã chuyển nhượng toàn bộ phần vốn góp thuộc sở hữu tại Công ty TNHH Mai Linh Nghệ An của Công ty Cổ phần Mai Linh Miền Bắc cho ông Hồ Huy, ông Hồ Chương và ông Hồ Đình Việt với tổng giá trị chuyển nhượng là 30.530.000.000 đồng. Theo đó, Tập đoàn đã không hợp nhất số liệu báo cáo tài chính của Công ty TNHH Mai Linh Nghệ An kể từ ngày 12 tháng 4 năm 2017.

Công ty liên kết

STT	Tên đơn vị	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết năm giữ (%)	Hoạt động chính
1	Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Thiết kế và In Bao bì Năng Động	30 Vũ Huy Tấn, Phường 3, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh	40%	40%	Thiết kế và in bao bì
2	Công ty Cổ phần Vận tải tốc hành Mai Linh	349 Lê Hồng Phong, Phường 2, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.	25,67%	25,67%	Vận tải hành khách

Tập đoàn không hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu các khoản đầu tư vào công ty trên là do tại thời điểm lập báo cáo này, Công ty Cổ phần Tập đoàn Mai Linh chưa nhận được báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 và năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 của các công ty này. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng việc không hợp nhất hai công ty liên kết này theo phương pháp vốn chủ sở hữu không ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn (xem Thuyết minh số 16).

Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Số liệu so sánh trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ là số liệu của báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 đã được kiểm toán và số liệu so sánh trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ là số liệu của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 đã được soát xét.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được trình bày bằng Đồng Việt Nam ("VND"), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

12500
 HI NH
 CÔNG
 NHIE
 ELOI
 IET N
 TP. H

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này được lập để trình bày tình hình tài chính hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 và kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cũng như tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 của Tập đoàn bao gồm báo cáo tài chính của Công ty mẹ và các công ty con, theo hướng dẫn của Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, Tập đoàn đã báo cáo một khoản lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là âm 795.066.771.962 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016: âm 803.750.510.805 đồng) và cũng tại ngày này, tổng nợ phải trả ngắn hạn đã vượt quá tổng tài sản ngắn hạn là 1.262.542.777.522 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016: 1.518.369.613.194 đồng). Ban Tổng Giám đốc đang thực hiện chương trình tái cấu trúc toàn Tập đoàn, đầu tư thêm xe taxi, thu xếp các khoản vay cũng như làm việc với các đối tác về kế hoạch trả nợ. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng với sự tái cấu trúc cũng như nguồn tiền từ hoạt động taxi hàng ngày cùng các khoản vay vốn lưu động từ ngân hàng, cá nhân và các tổ chức tín dụng, Tập đoàn có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn. Do đó, báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được lập trên cơ sở hoạt động liên tục.

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12. Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn được lập cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 6.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Tập đoàn áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm báo cáo tài chính của Công ty mẹ và báo cáo tài chính của các công ty do Công ty mẹ kiểm soát (các công ty con) được lập cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty mẹ có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong kỳ được trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty mẹ và các công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng tập đoàn được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính giữa niên độ.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu (chi tiết xem nội dung trình bày dưới đây) và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

002-C
ANH
TY
HỮU HẠN
TTE
AM
5 CHI NH

Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông không kiểm soát trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Tập đoàn. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại trên báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ là phần phụ trội giữa mức giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần lợi ích của Tập đoàn trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con, công ty liên kết, hoặc đơn vị góp vốn liên doanh tại ngày thực hiện nghiệp vụ đầu tư. Lợi thế thương mại được coi là một loại tài sản vô hình, được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính của lợi thế kinh doanh là 10 năm.

Lợi thế kinh doanh có được từ việc mua công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được tính vào giá trị ghi sổ của công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Lợi thế kinh doanh từ việc mua các công ty con được trình bày riêng như một loại tài sản khác trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ.

Khi bán công ty con, công ty liên kết hoặc đơn vị góp vốn liên doanh, giá trị còn lại của khoản lợi thế thương mại chưa khấu hao hết được tính vào khoản lãi/lỗ do nghiệp vụ nhượng bán công ty tương ứng.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là các khoản chứng khoán được Tập đoàn nắm giữ với mục đích kinh doanh. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận bắt đầu từ ngày Tập đoàn có quyền sở hữu và được xác định giá trị ban đầu theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo giá gốc trừ các khoản giảm giá chứng khoán kinh doanh.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Tập đoàn có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn, trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ trên cơ sở dồn tích. Lãi được hưởng trước khi Tập đoàn nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá đầu tư.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Tập đoàn không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính

Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính được trích lập theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính về "Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp", Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2013 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC và các quy định kế toán hiện hành.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm giá mua các công cụ, dụng cụ, phụ tùng thay thế và các chi phí liên quan, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp nhập trước xuất trước. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Tập đoàn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Tập đoàn được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc kỳ hoạt động.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà xưởng, vật kiến trúc	5 - 50
Máy móc, thiết bị	3 - 10
Phương tiện vận tải	5 - 10
Thiết bị văn phòng	2 - 8
Tài sản cố định khác	3 - 5

0012
CHI
CỔ
TÁCH N
DEL
VIỆ
1-11

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Thuê tài sản

Một khoản thuê được xem là thuê tài chính khi phần lớn các quyền lợi và rủi ro về quyền sở hữu tài sản được chuyển sang cho người đi thuê. Tất cả các khoản thuê khác được xem là thuê hoạt động.

Tập đoàn là bên đi thuê

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

Tập đoàn ghi nhận tài sản thuê tài chính là tài sản của Tập đoàn theo giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản hoặc theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu, nếu giá trị này thấp hơn. Nợ phải trả bên cho thuê tương ứng được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán hợp nhất như một khoản nợ phải trả về thuê tài chính. Các khoản thanh toán tiền thuê được chia thành chi phí tài chính và khoản phải trả nợ gốc nhằm đảm bảo tỷ lệ lãi suất định kỳ cố định trên số dư nợ còn lại. Chi phí thuê tài chính được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Các tài sản đi thuê tài chính là phương tiện vận tải được khấu hao trên thời gian hữu dụng ước tính tương tự như áp dụng với tài sản thuộc sở hữu của Tập đoàn là từ 6 đến 9 năm.

Tập đoàn là bên cho thuê

Doanh thu cho thuê hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất, thương hiệu và phần mềm máy tính được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Trong đó, quyền sử dụng đất không có thời hạn thì không trích khấu hao theo quy định hiện hành. Thương hiệu và phần mềm máy tính được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 5 đến 7 năm.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng, mua sắm phục vụ mục đích hoạt động, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản bao gồm giá mua, chi phí lắp đặt, xây dựng, thiết bị, phí dịch vụ và chi phí khác có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tập đoàn. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư bao gồm quyền sử dụng đất và tài sản trên đất do Tập đoàn nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp như phí dịch vụ tư vấn về luật pháp liên quan, thuế trước bạ và chi phí giao dịch liên quan khác.

Bất động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính trong vòng 50 năm.

Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Các khoản chi phí trả trước dài hạn được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Tập đoàn với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

500-
NHÀ
NG T
HIỆM H
OIT
I NA
HỒ



Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Tập đoàn đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Tập đoàn không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Tập đoàn sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu từ dịch vụ taxi và các dịch vụ liên quan được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Tập đoàn có quyền nhận khoản lãi.

Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Chi phí đi vay

Chi phí lãi vay được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay".

Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Tập đoàn có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Tập đoàn có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.



Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Tập đoàn có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Tập đoàn có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Việc xác định thuế thu nhập của Tập đoàn căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ

Tập đoàn thực hiện phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ theo điều lệ tổ chức và hoạt động của công ty cổ phần và theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30/6/2017 VND	31/12/2016 VND
Tiền mặt	4.673.061.658	7.408.486.275
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	60.219.337.368	51.892.129.606
Tiền đang chuyển	16.639.534	240.700.124
Các khoản tương đương tiền	1.000.000.000	1.000.000.000
	65.909.038.560	60.541.316.005

Các khoản tương đương tiền thể hiện khoản tiền gửi bằng Đồng Việt Nam tại ngân hàng thương mại với kỳ hạn gốc 3 tháng và lãi suất 4,78%/năm (năm 2016: 4,78%/năm).

5. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	30/6/2017 VND	31/12/2016 VND
Tổng các khoản phải thu bên liên quan:	148.041.592.291	148.389.784.102
<i>Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư Hồ Huy</i>	523.037.360	560.447.906
<i>Công ty TNHH Du lịch Mai Linh</i>	43.562.261.720	43.562.261.720
<i>Công ty Cổ phần Vận tải Tốc hành Mai Linh</i>	86.980.530.428	87.041.677.029
<i>Các công ty liên quan khác (đồng chủ tịch, đồng kiểm soát, liên kết)</i>	16.975.762.783	17.225.397.447
Khách hàng đi thuê taxi MCC	83.948.592.142	84.867.193.953
Các khoản phải thu khách hàng khác	149.995.567.681	126.834.797.756
	381.985.752.114	360.091.775.811

6. PHẢI THU VỀ CHO VAY

	30/6/2017	31/12/2016
	VND	VND
a. Phải thu về cho vay ngắn hạn		
Công ty Cổ phần Vận tải Tốc hành Mai Linh	35.890.919.043	35.890.919.043
Công ty TNHH Du Lịch Mai Linh	12.371.649.457	12.371.649.457
Nhóm Công ty Cổ phần Mai Linh Tây Nam Bộ	11.250.000.000	9.340.000.000
Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư Hồ Huy	3.000.000.000	3.000.000.000
Phải thu về cho vay các đối tượng khác	6.180.537.435	25.713.537.435
	68.693.105.935	86.316.105.935
b. Phải thu về cho vay dài hạn		
Công ty Cổ phần Vận tải Tốc hành Mai Linh	60.851.887.460	55.401.887.460
Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư Hồ Huy	39.396.000.000	43.396.000.000
Ông Hồ Minh Châu	15.473.716.000	15.473.716.000
Ông Hồ Huy	7.840.000.000	7.840.000.000
Phải thu về cho vay các đối tượng khác	4.738.000.000	5.167.607.153
	128.299.603.460	127.279.210.613

Các khoản phải thu về cho vay ngắn và dài hạn thể hiện các khoản cho vay không lãi suất, không thế chấp và không có thời hạn hoặc thời hạn từ 12 tháng đến 60 tháng.

7. PHẢI THU KHÁC

	30/6/2017	31/12/2016
	VND	VND
a. Ngắn hạn		
Phải thu người lao động	19.066.588.164	12.671.660.231
Tạm ứng trước cho nhân viên	26.985.869.231	20.251.567.719
Ký cược, ký quỹ	5.112.723.631	5.040.140.965
Phải thu trả góp xe hợp tác kinh doanh	68.090.852.577	86.588.173.644
Các khoản thu hộ, trong đó:		
<i>Công ty TNHH MTV Đầu Tư Hồ Huy</i>	6.284.020.062	9.605.526.395
<i>Các công ty liên quan khác (đồng chủ tịch, đồng kiểm soát, liên kết)</i>	332.253.497.561	335.363.106.946
<i>Ông Hồ Huy</i>	58.412.034.508	52.872.034.508
<i>Ông Hồ Chương</i>	40.800.000.000	-
<i>Phải thu dự án trạm dừng chân Mai Linh Cà Ná</i>	27.277.712.757	27.599.460.670
<i>Phải thu dự án Phan Rang - Tháp Chàm</i>	4.280.105.182	4.280.105.182
<i>Đối tượng khác</i>	58.570.569.474	43.867.014.363
Phải thu khác, trong đó:		
<i>Các công ty liên quan khác (đồng chủ tịch, đồng kiểm soát, liên kết)</i>	60.334.987.896	57.642.327.416
<i>Đối tượng khác</i>	109.347.825.320	67.347.885.439
	816.816.786.363	723.129.003.478
Trong đó, tổng phải thu ngắn hạn khác từ các bên liên quan	457.284.540.027	455.482.995.265
b. Dài hạn		
Ký cược, ký quỹ		
<i>Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư Hồ Huy (*)</i>	52.798.857.006	60.164.429.506
<i>Công ty Cổ phần Thương mại và Đầu tư H.H&T (*)</i>	114.234.987.325	111.018.487.325
<i>Công ty Cổ phần Vận tải Tốc hành Mai Linh</i>	6.147.500.000	6.147.500.000
<i>Đối tượng khác</i>	14.190.471.081	35.782.842.734
Các khoản phải thu dài hạn khác	21.261.313.920	5.808.194.270
	208.633.129.332	218.921.453.835
Trong đó, tổng phải thu dài hạn khác từ các bên liên quan	173.181.344.331	177.330.416.831

(*) Các khoản ký cược ký quỹ dài hạn với Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư Hồ Huy (Công ty mẹ của Tập đoàn) và Công ty Cổ phần Thương Mại và Đầu tư H.H&T (Công ty cùng chủ tịch) là các khoản ký cược, ký quỹ không có lãi suất cho các hợp đồng thuê xe, và sẽ được hoàn thu khi kết thúc hợp đồng.

8. NỢ XẤU

	30/6/2017		31/12/2016	
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi	728.774.660.443		707.050.686.393	
Công ty TNHH Du Lịch Mai Linh	124.856.545.025	Không xác định	122.818.680.878	Không xác định
Công ty Cổ phần Vận tải tốc hành Mai Linh	441.810.545.711	Không xác định	435.867.184.728	Không xác định
Các công ty liên quan khác (đồng chủ tịch, đồng kiểm soát, liên kết)	68.412.016.521	Không xác định	70.494.626.869	Không xác định
Đối tượng khác, trong đó:	93.695.553.186		77.870.193.918	
Phải thu khách hàng đi thẻ MCC	745.565.904	620.592.579	984.817.323	620.592.579
Phải thu đối tượng khác	92.949.987.282	Không xác định	76.885.376.595	Không xác định

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, Tập đoàn đã lập dự phòng với giá trị là 93.693.911.260 đồng cho các khoản nợ phải thu khó có khả năng thu hồi (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016: 93.421.619.002 đồng). Cho đến thời điểm lập báo cáo này, Tập đoàn đang trong giai đoạn thực hiện tái cấu trúc; vì vậy, Tập đoàn chưa tính toán và trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi cho các khoản phải thu và phải thu khác đối với các công ty liên kết và các công ty liên quan của Tập đoàn với tổng số tiền các khoản phải thu và phải thu khác là 635.079.107.257 đồng tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016: 613.264.842.647 đồng).

9. HÀNG TỒN KHO

	30/6/2017		31/12/2016	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi đường	-	-	33.699.940	-
Nguyên liệu, vật liệu	18.044.544.236	(325.737.588)	18.623.052.993	(355.402.536)
Công cụ, dụng cụ	6.300.061.490	-	6.697.245.614	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	347.453.866	-	229.403.878	-
Thành phẩm	924.944.582	-	897.467.965	-
Hàng hoá	1.411.272.044	-	1.529.243.298	-
Hàng gửi đi bán	190.059.379	-	596.096.205	-
	27.218.335.597	(325.737.588)	28.606.209.893	(355.402.536)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, giá trị hàng tồn kho ứ đọng, kém, mất phẩm chất không có khả năng tiêu thụ là 325.737.588 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016: 355.402.536 đồng), Tập đoàn đang chờ bán thanh lý đối với số hàng tồn kho này.

500-0
 NHÃN
 IG TY
 ỆM HỮU
 DITTU
 NAM
 HỒ C

10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	30/6/2017 VND	31/12/2016 VND
a. Ngắn hạn		
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	964.442.288	582.775.281
Chi phí bảo hiểm	26.230.197.129	28.219.192.035
Chi phí thuê văn phòng, bến bãi	171.630.109	140.339.997
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	12.805.220.247	13.846.017.083
	<u>40.171.489.773</u>	<u>42.788.324.396</u>
b. Dài hạn		
Chi phí bảo hiểm	118.475.592	678.991.574
Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định	8.252.867.731	10.136.722.111
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	4.316.051.389	6.410.216.386
Chi phí lãi vay đầu tư tài sản cố định	380.369.923.381	380.369.923.381
Giá vốn kinh doanh thẻ MCC taxi	228.472.363.636	228.472.363.636
Chi phí văn phòng bến bãi	88.107.143	851.074.598
Chi phí trả trước dài hạn khác	43.117.631.551	52.585.946.813
	<u>664.735.420.423</u>	<u>679.505.238.499</u>

Chi phí trả trước dài hạn nêu trên bao gồm một số chi phí lãi vay và một số chi phí hoạt động kinh doanh phát sinh từ những năm trước với số tiền là 608.865.226.403 đồng tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016: 608.865.226.403 đồng).



11. TẶNG, GIÁM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà xưởng và vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Thiết bị vận phòng VND	Phương tiện vận tải VND	Khác VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ						
Tại ngày 01/01/2017	213.100.436.479	10.015.309.893	23.483.740.199	4.008.563.401.841	2.416.698.716	4.257.579.587.128
Tăng trong kỳ	168.122.042	176.015.500	189.600.000	178.152.489.633	-	178.686.227.175
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	-	-	-	18.210.181.828	-	18.210.181.828
Thanh lý, nhượng bán	(61.002.000)	-	(712.825.000)	(253.794.234.424)	-	(254.568.061.424)
Giảm do thoái công ty con gián tiếp	(31.729.078.516)	(1.463.683.697)	(228.836.062)	(304.261.124.004)	-	(337.682.722.279)
Tại ngày 30/6/2017	181.478.478.005	8.727.641.696	22.731.679.137	3.646.870.714.874	2.416.698.716	3.862.225.212.428
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Tại ngày 01/01/2017	62.565.554.431	6.332.897.223	14.153.858.050	1.640.220.913.121	1.683.444.393	1.724.956.667.218
Khấu hao trong kỳ	3.002.101.576	151.514.644	915.487.801	237.976.259.381	169.219.373	242.214.582.775
Tăng khác	-	-	-	(207.775.005)	-	(207.775.005)
Thanh lý, nhượng bán	(44.057.000)	-	(152.267.262)	(169.998.603.676)	-	(170.194.927.938)
Giảm do thoái vốn công ty con gián tiếp	(4.593.249.748)	(1.206.071.822)	(228.836.062)	(143.439.266.938)	-	(149.467.424.570)
Tại ngày 30/6/2017	60.930.349.259	5.278.340.045	14.688.242.527	1.564.551.526.883	1.852.663.766	1.647.301.122.480
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày 01/01/2017	150.534.882.048	3.682.412.670	9.329.882.149	2.368.342.488.720	733.254.323	2.532.622.919.910
Tại ngày 30/6/2017	120.548.128.746	3.449.301.651	8.043.436.610	2.082.319.187.991	564.034.950	2.214.924.089.948

Như trình bày tại Thuyết minh số 25 và 26, Tập đoàn đã thể chấp một phần phương tiện vận tải với giá trị còn lại tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 là 1.489.149.823.260 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016: 1.752.875.186.996 đồng) để đảm bảo cho các khoản tiền vay ngân hàng.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, nguyên giá của tài sản cố định bao gồm các tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 198.281.762.653 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016: 146.748.456.627 đồng), tài sản cố định tạm thời không sử dụng với giá trị còn lại là 17.227.378.568 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016: 18.627.883.022 đồng) và các tài sản đang chờ thanh lý với giá trị còn lại là 993.956.143 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016: 993.956.143 đồng).

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, nguyên giá của các tài sản cố định là phương tiện vận tải sẽ dùng để hoàn thành nghĩa vụ đã cam kết theo các hợp đồng hợp tác kinh doanh với các cá nhân khi đáo hạn là 1.595.323.831.879 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016: 1.702.174.289.483 đồng).



12. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH

Phương tiện
vận tải
VND

NGUYÊN GIÁ

Tại ngày 01/01/2017	237.566.636.460
Thuê tài chính trong kỳ	25.545.103.639
Thanh lý, nhượng bán	(11.054.468.185)
Tại ngày 30/6/2017	<u>252.057.271.914</u>

GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ

Tại ngày 01/01/2017	15.773.486.142
Khấu hao trong kỳ	18.236.827.414
Thanh lý, nhượng bán	(1.007.526.109)
Tại ngày 30/6/2017	<u>33.002.787.447</u>

GIÁ TRỊ CÒN LẠI

Tại ngày 01/01/2017	<u>221.793.150.318</u>
Tại ngày 30/6/2017	<u>219.054.484.467</u>

13. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất VND	Thương hiệu VND	Phần mềm máy tính VND	Khác VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 01/01/2017 và 30/6/2017	189.353.963.071	1.494.923.810	22.891.229.984	135.567.913	213.875.684.778
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại ngày 01/01/2017	583.797.097	1.471.823.788	4.930.480.852	78.897.000	7.064.998.737
Khấu hao trong kỳ	38.471.076	72.200.000	1.387.138.914	-	1.497.809.990
Giảm khác	8.394.834	-	-	-	8.394.834
Tại ngày 30/6/2017	<u>630.663.007</u>	<u>1.544.023.788</u>	<u>6.317.619.766</u>	<u>78.897.000</u>	<u>8.571.203.561</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 01/01/2017	<u>188.770.165.974</u>	<u>23.100.022</u>	<u>17.960.749.132</u>	<u>56.670.913</u>	<u>206.810.686.041</u>
Tại ngày 30/6/2017	<u>188.723.300.064</u>	<u>(49.099.978)</u>	<u>16.573.610.218</u>	<u>56.670.913</u>	<u>205.304.481.217</u>

Như trình bày tại Thuyết minh số 25, Tập đoàn đã thế chấp một phần quyền sử dụng đất với giá trị còn lại tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 là 169.089.267.618 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016: 169.089.267.618 đồng) để đảm bảo cho khoản tiền vay ngân hàng.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, nguyên giá của tài sản cố định vô hình bao gồm các tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 2.231.112.196 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016: 2.231.112.196 đồng).

1125
 CHI NG
 CÔNG
 NHĨ
 ELO
 IẾT N
 TP. H
 O
 S
 C
 N

14. TĂNG, GIẢM BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

Nhà cửa và
 quyền sử dụng đất
VND

NGUYÊN GIÁ

Tại ngày 01/01/2017 và 30/6/2017

198.313.019.200

GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ

Tại ngày 01/01/2017

23.797.562.329

Khấu hao trong kỳ

1.983.130.194

Tại ngày 30/6/2017

25.780.692.523

GIÁ TRỊ CÒN LẠI

Tại ngày 01/01/2017

174.515.456.871

Tại ngày 30/6/2017

172.532.326.677

Danh mục chi tiết bất động sản đầu tư:

	Giá trị còn lại	
	30/6/2017	31/12/2016
	VND	VND
Nhà xưởng và quyền sử dụng đất tại số 1026 Tạ Quang Bửu, Quận 8, TP. Hồ Chí Minh	56.977.904.875	56.977.904.875
Nhà xưởng và quyền sử dụng đất tại lô đất phường An Lạc, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh	115.554.421.802	117.537.551.996
	<u>172.532.326.677</u>	<u>174.515.456.871</u>

Như trình bày tại Thuyết minh số 25, Tập đoàn đã thế chấp bất động sản đầu tư với giá trị còn lại tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 là khoảng 172.532.326.677 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016: 174.515.456.871 đồng) để đảm bảo cho khoản tiền vay ngân hàng.

Theo quy định tại Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 05 - "Bất động sản đầu tư", giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 cần được trình bày. Tuy nhiên, Tập đoàn hiện chưa xác định được giá trị hợp lý này nên giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 chưa được trình bày trên Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Để xác định được giá trị hợp lý này, Tập đoàn sẽ phải thuê một công ty tư vấn độc lập đánh giá giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư. Hiện tại, Tập đoàn chưa tìm được công ty tư vấn phù hợp để thực hiện công việc này.

15. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BÀN DỜ DANG

	30/6/2017	31/12/2016
	VND	VND
Quyền sử dụng đất tại Nhơn Trạch - Đồng Nai	15.083.172.300	15.083.172.300
Mua sắm phương tiện vận tải	2.359.090.910	48.416.612.218
Dự án hầm Đèo Cà, Phú Yên	10.723.389.570	13.160.835.455
Các khoản khác	22.772.455.492	14.495.340.941
	<u>50.938.108.272</u>	<u>91.155.960.914</u>

16. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT

	30/6/2017 VND	31/12/2016 VND
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Thiết kế và In Bao bì Năng Động	281.964.867	281.964.867
Công ty Cổ phần Vận tải Tốc hành Mai Linh	9.240.000.000	9.240.000.000
	<u>9.521.964.867</u>	<u>9.521.964.867</u>

Như trình bày tại Thuyết minh số 1, do Tập đoàn chưa nhận được báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 và năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 của các công ty trên, do đó báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không hợp nhất quyền lợi của các công ty này theo phương pháp vốn chủ sở hữu, và các khoản đầu tư vào công ty liên kết này được ghi nhận theo phương pháp giá gốc.

17. ĐẦU TƯ GÓP VỐN VÀ ĐƠN VỊ KHÁC

	30/6/2017 VND	31/12/2016 VND
Công ty TNHH Du lịch Mai Linh	2.375.000.000	2.375.000.000
Công ty Cổ phần Năng Lượng Mai Linh	5.205.260.000	5.205.260.000
Công ty Cổ phần Đô thị Mai Linh Thăng Long	1.920.000.000	1.920.000.000
Công ty Cổ phần Mai Linh Đông Đô	-	16.626.000.000
Công ty TNHH Mai Linh Tây Nam Bộ (*)	48.901.743.920	48.901.743.920
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Phú Mỹ (**)	82.500.000.000	82.500.000.000
Công ty Cổ phần Việt Đăng Khoa Đà Nẵng	680.000.000	680.000.000
Cá nhân, tổ chức khác	2.032.000	2.032.000
	<u>141.584.035.920</u>	<u>158.210.035.920</u>

(*) Tại thời điểm lập báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc không có đầy đủ thông tin làm căn cứ trích lập dự phòng (nếu có) đối với khoản đầu tư vào đơn vị khác của Công ty Cổ phần Mai Linh Miền Nam, một công ty con, với giá trị là 48.901.743.920 đồng, tương ứng 18% tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết tại Công ty TNHH Mai Linh Tây Nam Bộ.

(**) Tại thời điểm lập báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc không có đầy đủ thông tin làm căn cứ trích lập dự phòng (nếu có) đối với khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Phú Mỹ. Giá trị đầu tư này là số tiền Công ty Cổ phần Mai Linh Nam Trung bộ và Tây Nguyên, một công ty con, đầu tư vào 1.100.000 cổ phần (mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần) của Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Phú Mỹ, tương ứng 1,48% tỷ lệ sở hữu và biểu quyết tại công ty này.

18. DỰ PHÒNG ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	30/6/2017 VND	31/12/2016 VND
Công ty Cổ phần Vận tải Tốc hành Mai Linh	9.240.000.000	9.240.000.000
Công ty TNHH Du lịch Mai Linh	1.548.000.000	1.548.000.000
Công ty Cổ phần Năng Lượng Mai Linh	5.205.260.000	5.205.260.000
Đầu tư dài hạn khác	2.032.000	2.032.000
	<u>15.995.292.000</u>	<u>15.995.292.000</u>

19. TÀI SẢN THUẾ THU NHẬP HOẢN LẠI

Dưới đây là tài sản thuế thu nhập hoãn lại do Tập đoàn ghi nhận và sự thay đổi của các khoản mục này trong năm:

	Chi phí phải trả và các khoản dự phòng VND	Loại trừ lợi nhuận từ doanh thu phí thương hiệu VND	Tổng VND
Tại ngày 01/01/2016	2.493.225.858	6.650.607.550	9.143.833.408
Chuyển sang lợi nhuận trong năm	890.040.242	(3.263.637.853)	(2.373.597.611)
Tại ngày 01/01/2017	3.383.266.100	3.386.969.697	6.770.235.797
Chuyển sang lợi nhuận trong kỳ	215.367.781	(332.083.917)	(116.716.136)
Tại ngày 30/6/2017	3.598.633.881	3.054.885.780	6.653.519.661

20. LỢI THỂ THƯƠNG MẠI

	30/6/2017 VND	31/12/2016 VND
NGUYÊN GIÁ		
Số dư tại ngày 01/01/2017 và 30/6/2017	76.285.460.267	76.285.460.267
HAO MÒN		
Số dư tại ngày 01/01/2017	61.268.589.993	54.646.689.782
Trích khấu hao trong kỳ	3.952.637.898	6.621.900.211
Số dư tại ngày 30/6/2017	65.221.227.891	61.268.589.993
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Tại ngày 01/01/2017	15.016.870.274	21.638.770.485
Tại ngày 30/6/2017	11.064.232.377	15.016.870.274

Chi tiết lợi thể thương mại:

STT	Tên Công ty	01/01/2017 VND	Phân bố trong kỳ VND	30/6/2017 VND
1	Công ty Cổ phần Mai Linh Hạ Long	1.042.113.940	521.056.970	521.056.970
2	Công ty TNHH Mai Linh Hải Dương	73.926.667	36.963.334	36.963.334
3	Công ty TNHH Mai Linh Hải Phòng	345.223.054	172.611.527	172.611.527
4	Công ty TNHH Mai Linh Thanh Hóa	426.869.729	213.434.865	213.434.865
5	Công ty TNHH Mai Linh Hà Tĩnh	64.236.668	32.118.334	32.118.334
6	Công ty TNHH Mai Linh Hà Nam	928.379.987	154.729.997	773.649.990
7	Công ty TNHH MTV Mai Linh Huế	38.352.232	19.176.116	19.176.116
8	Công ty TNHH MTV Mai Linh Quảng Ngãi	128.882.890	64.441.445	64.441.445
9	Công ty TNHH MTV Mai Linh Phan Rang - Tháp Chàm	587.588.554	146.897.139	440.691.416
10	Công ty Cổ phần Mai Linh Nam Trung Bộ Tây Nguyên	4.310.378.919	359.198.244	3.951.180.676
11	Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại Mai Lin	6.421.064.221	1.907.083.222	4.513.980.999
12	Công ty Cổ phần Mai Linh Miền Trung	116.000.000	58.000.000	58.000.000
13	Công ty TNHH Mai Linh Bình Dương	354.459.633	177.229.817	177.229.817
14	Công ty TNHH Mai Linh Vũng Tàu	179.393.780	89.696.890	89.696.890
		15.016.870.274	3.952.637.898	11.064.232.377

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MAI LINH MẪU SỐ B 09a-DN/HN
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

21. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	30/6/2017 VND	31/12/2016 VND
a. Các khoản phải trả người bán ngắn hạn		
Phải trả các công ty có liên quan đến Tập đoàn (đồng kiểm soát, có đầu tư khác...)	31.705.679.882	28.560.995.190
Các khoản phải trả người bán ngắn hạn khác	172.177.722.462	222.888.281.719
	203.883.402.344	251.449.276.909
b. Các khoản phải trả người bán dài hạn		
Các khoản phải trả người bán dài hạn khác	5.414.414.673	5.051.534.681

22. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	31/12/2016 VND	Số tăng trong kỳ VND	Số giảm trong kỳ VND	30/6/2017 VND
Thuế giá trị gia tăng	41.003.635.521	159.860.138.846	148.742.646.204	52.121.128.163
Thuế thu nhập doanh nghiệp	12.439.925.420	9.524.251.593	12.469.992.080	9.494.184.933
Thuế thu nhập cá nhân	11.942.155.910	9.286.866.030	11.627.041.156	9.601.980.784
Các khoản khác	18.040.928.416	14.956.275.871	16.602.900.589	16.394.303.698
	83.426.645.267	193.627.532.340	189.442.580.029	87.611.597.578

23. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	30/6/2017 VND	31/12/2016 VND
a. Ngắn hạn		
Trích trước tiền lương tháng 13	6.168.562.267	11.487.965.943
Chi phí lãi vay phải trả	68.337.634.979	80.204.371.586
Chi phí thuê xe	2.314.431.818	790.348.763
Chi phí lãi phải trả của hợp đồng mua bán kỳ hạn cổ phần	1.494.045.000	1.494.045.000
Chi phí phải trả khác	15.216.134.607	14.355.810.512
	93.530.808.671	108.332.541.804
b. Dài hạn		
Chi phí lãi vay phải trả	-	338.191.477
	-	338.191.477

24. PHẢI TRẢ KHÁC

	30/6/2017 VND	31/12/2016 VND
a. Ngắn hạn		
Tài sản thừa chờ xử lý	693.166.245	578.142.194
Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm thất nghiệp	152.724.455.120	130.438.375.611
Phải trả phạt bảo hiểm và thuế	961.016.665	961.016.665
Kinh phí công đoàn	16.060.571.621	15.242.312.665
Các khoản ký quỹ taxi, ký quỹ ngắn hạn	23.097.299.565	25.370.183.121
Quỹ hỗ trợ tai nạn, tiếp thị, rửa xe	54.741.148.623	50.950.240.181
Phải trả khác cán bộ, nhân viên	1.514.167.123	1.358.144.305
Quỹ phát triển vì cộng đồng	1.923.344.960	1.923.344.960
Phải trả cổ tức	14.616.621.248	15.365.370.576
Các công ty liên quan khác (đồng Chủ tịch, đồng kiểm soát, liên kết)	43.160.975.666	39.207.672.360
Phải trả tiền đặt cọc mua xe (*)	83.761.384.954	59.187.477.752
Thu hộ hợp tác kinh doanh (**)	272.235.348.319	333.002.210.452
Các khoản phải trả, phải nộp khác	142.059.744.713	145.002.093.337
	807.549.244.822	818.586.584.179

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MAI LINH
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

25. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	01/01/2017		Phát sinh trong kỳ		30/6/2017	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Vay ngắn hạn cá nhân và tổ chức khác (*)	97.093.396.688	97.093.396.688	29.714.801.143	52.087.011.205	74.721.186.626	74.721.186.626
Vay ngắn hạn các bên liên quan (**)	75.940.000.000	75.940.000.000	36.166.123.146	27.920.273.146	84.185.850.000	84.185.850.000
Vay ngắn hạn ngân hàng (***)	316.289.985.123	316.289.985.123	564.427.270.966	539.268.275.679	341.448.980.410	341.448.980.410
Nợ dài hạn đến hạn trả	893.114.431.720	893.114.431.720	251.263.474.476	327.143.950.185	817.233.956.011	817.233.956.011
- Vay dài hạn ngân hàng đến hạn trả	371.167.970.730	371.167.970.730	165.684.411.317	223.417.022.158	313.435.359.889	313.435.359.889
- Vay cá nhân và tổ chức khác	482.130.388.990	482.130.388.990	50.057.537.359	70.983.708.027	461.204.218.322	461.204.218.322
- Nợ thuế tài chính dài hạn đến hạn trả	39.816.072.000	39.816.072.000	35.521.525.800	32.743.220.000	42.594.377.800	42.594.377.800
	1.382.437.813.531	1.382.437.813.531	881.571.669.731	946.419.510.215	1.317.589.973.047	1.317.589.973.047

(*) Vay ngắn hạn cá nhân thể hiện những khoản vay tín chấp có thời hạn từ 3 tháng đến 12 tháng với lãi suất từ 0,38% đến 1,08%/tháng (năm 2016: từ 0,38% đến 1,34%/tháng).

(**) Vay ngắn hạn các bên liên quan thể hiện những khoản vay không thể chấp, có thời hạn không quá 12 tháng với lãi suất từ 5% đến 9%/năm.

(***) Vay ngắn hạn từ các ngân hàng thương mại trong nước là các khoản vay được thực hiện bằng đồng Việt Nam cho mục đích bổ sung vốn lưu động cho hoạt động kinh doanh. Tập đoàn đã sử dụng quyền sử dụng đất và phương tiện vận tải để thế chấp cho khoản vay này (xem các Thuyết minh 11, 13 và 14). Các khoản vay này chịu lãi suất trong khoảng từ 7,5%/năm đến 10,2%/năm (năm 2016: từ 7%/năm đến 10%/năm) tùy theo quy định của các ngân hàng thương mại tại nơi hoạt động của Tập đoàn và mỗi công ty con. Các khoản vay này có thời hạn vay từ 3 tháng đến 6 tháng được quy định cụ thể trong từng giấy nhận nợ.

26. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	01/01/2017		Phát sinh trong kỳ		30/6/2017	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Vay dài hạn cá nhân và tổ chức khác (*)	624.534.867.866	624.534.867.866	30.172.629.979	88.145.355.435	566.562.142.410	566.562.142.410
Vay dài hạn các bên liên quan	3.700.000.000	3.700.000.000	5.250.000.000	-	8.950.000.000	8.950.000.000
Vay dài hạn ngân hàng (**)	990.133.943.770	990.133.943.770	145.702.782.217	320.834.337.325	815.002.388.662	815.002.388.662
Nợ thuế tài chính dài hạn (***)	180.218.558.000	180.218.558.000	27.714.457.800	32.988.319.984	174.944.695.816	174.944.695.816
	1.798.587.369.636	1.798.587.369.636	208.839.869.996	441.968.012.744	1.565.459.226.888	1.565.459.226.888

Trong đó:

- Số phải trả trong vòng 12 tháng 817.233.956.011
- Số phải trả sau 12 tháng 748.225.270.877



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

(*) Vay dài hạn cá nhân và tổ chức khác là các khoản vay thông qua hình thức đầu tư hợp tác kinh doanh với thời hạn cho vay từ 13 tháng đến 84 tháng với lãi suất mỗi tháng từ 0,38% đến 1,2% (năm 2016: từ 0,38% đến 1,34%).

(**) Vay dài hạn từ các ngân hàng thương mại trong nước thể hiện các khoản vay bằng Đồng Việt Nam cho mục đích thanh toán các khoản đầu tư mua mới xe ô tô cho dịch vụ kinh doanh taxi. Các khoản vay này được đảm bảo bằng các phương tiện vận tải của Tập đoàn hình thành từ vốn vay (xem thêm Thuyết minh số 11) và có thời hạn vay từ 36 tháng cho tới 96 tháng với lãi suất từ 7%/năm đến 11,5%/năm (năm 2016: từ 7%/năm đến 11,5%/năm) tùy theo quy định của các ngân hàng thương mại tại nơi hoạt động của Tập đoàn và mỗi công ty con.

Các khoản vay dài hạn (không bao gồm thuê tài chính) được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	30/6/2017 VND	31/12/2016 VND
Trong vòng một năm	774.639.578.211	853.298.359.720
Trong năm thứ hai	356.287.294.325	440.124.263.250
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	257.251.981.410	322.745.988.650
Sau năm năm	2.335.677.126	2.200.200.016
	1.390.514.531.072	1.618.368.811.636
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn)	(774.639.578.211)	(853.298.359.720)
Số phải trả sau 12 tháng	615.874.952.861	765.070.451.916

(***) Các khoản nợ dài hạn do thuê tài chính được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	Giá trị hiện tại của các khoản tiền thuê tối thiểu	
	30/6/2017 VND	31/12/2016 VND
Trong vòng một năm	42.594.377.800	39.816.072.000
Năm thứ hai	132.350.318.016	132.805.286.000
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	-	7.597.200.000
Giá trị hiện tại của các khoản thuê tài chính phải trả	174.944.695.816	180.218.558.000
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn)	(42.594.377.800)	(39.816.072.000)
Số phải trả sau 12 tháng	132.350.318.016	140.402.486.000



**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MAI LINH
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

MẪU SỐ B 09a-DN/HN

27. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 01/01/2016	1.016.716.630.000	30.248.557.252	(30.922.400.000)	25.427.654.648	(841.107.983.490)	200.362.458.410
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	25.689.148.954	25.689.148.954
Trích quỹ khen thưởng	-	-	-	-	(1.818.120.000)	(1.818.120.000)
Giảm khác	-	-	-	-	13.486.443.731	13.486.443.731
Số dư tại ngày 31/12/2016	1.016.716.630.000	30.248.557.252	(30.922.400.000)	25.427.654.648	(803.750.510.805)	237.719.931.095
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	11.436.736.125	11.436.736.125
Trích quỹ khen thưởng	-	-	-	-	(544.525.534)	(544.525.534)
Giảm khác	-	-	-	(26.205.900)	(2.208.471.748)	(2.234.677.648)
Số dư tại ngày 30/6/2017	1.016.716.630.000	30.248.557.252	(30.922.400.000)	25.401.448.748	(795.066.771.962)	246.377.464.038

Cổ phần

	30/06/2017	31/12/2016
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	101.671.663	101.671.663
+ Cổ phiếu phổ thông	101.671.663	101.671.663
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	98.579.423	98.579.423
+ Cổ phiếu phổ thông	98.579.423	98.579.423
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu quỹ	3.092.240	3.092.240
+ Cổ phiếu phổ thông	3.092.240	3.092.240
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Mệnh giá	10.000	10.000

Tập đoàn chỉ có một loại cổ phần thường không hưởng cổ tức cố định với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần. Cổ đông sở hữu cổ phần thường được nhận cổ tức khi được công bố và có quyền biểu quyết theo tỉ lệ một quyền biểu quyết cho mỗi cổ phần sở hữu tại các cuộc họp cổ đông của Tập đoàn. Tất cả các cổ phần đều có quyền thừa hưởng như nhau đối với giá trị tài sản thuần của Tập đoàn.



Vốn cổ phần

Theo Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp, vốn cổ phần của Công ty mẹ tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 là 1.016.716.630.000 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016: 1.016.716.630.000 đồng). Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, vốn cổ phần đã được cổ đông góp đủ như sau:

	30/6/2017			31/12/2016		
	Cổ phần	%	VND	Cổ phần	%	VND
Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư Hồ Huy	55.484.250	54,57%	554.842.500.000	55.484.250	54,57%	554.842.500.000
Bà Trần Thị Hồng Hạnh	2.487.321	2,45%	24.873.210.000	2.487.321	2,45%	24.873.210.000
Các cổ đông khác	43.700.092	42,98%	437.000.920.000	43.700.092	42,98%	437.000.920.000
	101.671.663	100%	1.016.716.630.000	101.671.663	100%	1.016.716.630.000

28. LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG KHÔNG KIỂM SOÁT

	Từ 01/01/2017 đến 30/6/2017 VND	Từ 01/01/2016 đến 30/6/2016 VND
Tại ngày đầu kỳ	321.200.548.279	320.650.216.523
Vốn thiếu số trong các quỹ	(936.332.824)	-
Lợi nhuận trong kỳ	8.650.039.074	14.585.804.677
Giảm do phân phối các quỹ	(594.829.948)	(1.943.665.637)
Giảm do nhà đầu tư thoái vốn tại Công ty con	(2.645.567.664)	(3.989.938.575)
Giảm khác	(545.369.424)	(203.382.910)
Tại ngày cuối kỳ	325.128.487.493	329.099.034.078

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MAI LINH
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

MÃU SỐ B 09a-DN/HN

29. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ

Nhằm phục vụ cho mục đích quản lý, Tập đoàn phân chia hoạt động của mình thành các bộ phận chính theo lĩnh vực sản xuất kinh doanh như sau:

Đơn vị tính: Nghìn đồng

Chi tiêu	Hoạt động kinh doanh							Loại trừ	Hợp nhất	
	Dịch vụ taxi	Dịch vụ bảo dưỡng sửa chữa, bán vật tư, phụ tùng, hàng hóa	Dịch vụ du lịch, bán vé	Dịch vụ vận tải hành khách đường bộ (dịch vụ Express, chạy theo hướng cố định)	Dịch vụ cho thuê phương tiện vận tải, tài sản, mặt bằng	Doanh thu dịch vụ quảng cáo	Các dịch vụ khác			Cộng
Từ 01/01/2017 đến 30/6/2017										
Doanh thu										
Khách hàng bên ngoài	1.436.306.295	52.784.886	-	16.931.367	25.435.307	33.809.948	156.529.615	1.721.797.418	-	1.721.797.418
Giữa các bộ phận	(311.676.118)	-	-	-	-	-	-	(311.676.118)	311.676.118	-
Tổng cộng	1.124.630.177	52.784.886	-	16.931.367	25.435.307	33.809.948	156.529.615	1.410.121.300	311.676.118	1.721.797.418
Kết quả hoạt động kinh doanh										
Giá vốn của bộ phận	1.590.146.329	42.933.802	-	16.792.611	15.439.093	8.277.754	75.401.159	1.748.990.748	(311.676.118)	1.437.314.630
Lợi nhuận gộp của bộ phận	(465.516.152)	9.851.084	-	138.756	9.996.214	25.532.194	81.128.456	(338.869.448)	623.352.236	284.482.788
Chi phí không phân bổ										(244.456.179)
Thu nhập tài chính										8.963.777
Chi phí tài chính										(96.506.210)
Lợi nhuận khác										76.473.247
Thuế thu nhập doanh nghiệp										(8.870.648)
Lợi nhuận sau thuế										20.086.775



10/10/2017

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MAI LINH
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

MÃU SỐ B 09a-DN/HN

Đơn vị tính: Nghìn đồng

Chi tiêu	Hoạt động kinh doanh								Loại trừ	Hợp nhất
	Dịch vụ taxi	Dịch vụ bảo dưỡng sửa chữa, bán vật tư, phụ tùng, hàng hóa	Dịch vụ du lịch, bán vé	Dịch vụ vận tải hành khách đường bộ (dịch vụ Express, tài sản, chạy theo hướng cố định)	Dịch vụ cho thuê phương tiện vận tải, tài sản, mặt bằng	Doanh thu dịch vụ quảng cáo	Các dịch vụ khác	Cộng		
Từ 01/01/2016 đến 30/6/2016										
Doanh thu										
Khách hàng bên ngoài	1.567.443.707	59.797.203	-	22.881.936	59.860.026	24.253.191	83.737.583	1.817.973.646	-	1.817.973.646
Giữa các bộ phận	223.254.965	-	-	-	-	-	-	223.254.965	(223.254.965)	-
Tổng cộng	1.790.698.672	59.797.203	-	22.881.936	59.860.026	24.253.191	83.737.583	2.041.228.611	(223.254.965)	1.817.973.646
Kết quả hoạt động kinh doanh										
Giá vốn của bộ phận	1.599.030.135	52.549.691	-	26.435.994	38.998.630	2.208.988	40.976.394	1.760.199.832	(227.032.358)	1.533.167.474
Lợi nhuận gộp của bộ phận	191.668.537	7.247.512	-	(3.554.058)	20.861.396	22.044.203	42.761.189	281.028.779	3.777.393	284.806.172
Chi phí không phân bổ										(223.877.955)
Thu nhập tài chính										12.420.035
Chi phí tài chính										(98.934.178)
Lợi nhuận khác										91.120.777
Thuế thu nhập doanh nghiệp										(12.832.973)
Lợi nhuận sau thuế										52.701.878



15/2 X S O 181

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MAI LINH
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

MÃU SỐ B 09a-DN/HN

Đơn vị tính: Nghìn đồng

Chi tiêu	Hoạt động kinh doanh							Loại trừ	Hợp nhất
	Dịch vụ taxi	Dịch vụ bảo dưỡng sửa chữa, bán vật tư, phụ tùng, hàng hóa	Dịch vụ du lịch, bán vé	Dịch vụ vận tải hành khách đường bộ (dịch vụ Express, chạy theo hướng cố định)	Dịch vụ cho thuê phương tiện vận tải tài sản, mặt bằng	Doanh thu dịch vụ quảng cáo	Các dịch vụ khác		
Tại ngày 30/6/2017									
Tài sản của bộ phận phân bố	4.283.313.921	157.413.664	-	50.492.266	75.852.487	100.827.116	466.798.399	5.134.697.853	5.134.697.854
Tài sản không phân bố									217.562.502
Tổng tài sản hợp nhất	2.741.519.853	100.752.056	-	32.317.396	48.549.115	64.534.037	298.772.656	3.286.445.113	5.352.260.356
Nợ phải trả của bộ phận phân bố	739.970.992	27.194.258	-	8.722.875	13.104.022	17.418.555	80.642.531	887.053.233	887.053.234
Nợ phải trả không phân bố	374.776.024	13.773.183	-	4.417.909	6.636.846	8.822.044	40.843.340	449.269.346	449.269.346
Tổng nguồn vốn hợp nhất									5.352.260.356
Chi phí mua sắm tài sản									
Chi phí khấu hao									



**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MAI LINH
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Đơn vị tính: Nghìn đồng

Chi tiêu	Hoạt động kinh doanh							Hợp nhất
	Dịch vụ taxi	Dịch vụ bảo dưỡng sửa chữa, bán vật tư, phụ tùng, hàng hóa	Dịch vụ du lịch, bán vé	Dịch vụ vận tải hành khách đường bộ (dịch vụ Express, chạy theo hướng cố định)	Dịch vụ cho thuê phương tiện vận tải tài sản, mặt bằng	Doanh thu dịch vụ quảng cáo	Các dịch vụ khác	
								Cộng
Tại ngày 30/6/2016								
Tài sản của bộ phận phân bổ	4.700.177.025	179.309.431	-	68.614.362	179.497.814	72.726.242	251.097.671	5.451.422.545
Tài sản không phân bổ								5.451.422.545
Tổng tài sản hợp nhất								5.704.771.015
Nợ phải trả của bộ phận phân bổ	3.009.477.741	114.810.089	-	43.933.110	114.930.708	46.565.907	160.775.402	3.490.492.957
Nợ phải trả không phân bổ								3.490.492.957
Tổng nguồn vốn hợp nhất								5.704.771.015
Chi phí mua sắm tài sản	764.810.872	29.177.157	-	11.164.901	29.207.810	11.833.984	40.858.510	887.053.234
Chi phí khấu hao	387.356.776	14.777.470	-	5.654.731	14.792.995	5.993.605	20.693.770	449.269.347



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MAI LINH
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN/HN

Bên cạnh những thông tin về hoạt động kinh doanh của các bộ phận dựa trên cơ cấu tổ chức của Tập đoàn, những thông tin dưới đây còn trình bày theo khu vực địa lý.

Đơn vị tính: Nghìn đồng

Chỉ tiêu	Miền Nam	Miền Bắc	Miền Trung	Nam Trung Bộ - Tây Nguyên	Loại trừ	Hợp nhất
Từ 01/01/2017 đến 30/6/2017						
Doanh thu						
Từ khách hàng bên ngoài	961.921.972	428.468.448	330.197.606	1.209.391	-	1.721.797.417
Giữa các bộ phận	176.698.707	96.797.522	32.829.113	5.350.776	(311.676.118)	-
Tổng cộng	1.138.620.679	525.265.970	363.026.719	6.560.167	(311.676.118)	1.721.797.417
Tại 30/6/2017						
Tài sản của bộ phận	2.926.769.563	1.545.023.882	662.317.353	218.149.558		5.352.260.356
Tăng/(giảm) tài sản cố định	88.354.368	(299.481.498)	97.240.116	(102.402.331)		(216.289.344)
Chỉ tiêu	Miền Nam	Miền Bắc	Miền Trung	Nam Trung Bộ - Tây Nguyên	Loại trừ	Hợp nhất
Từ 01/01/2016 đến 30/6/2016						
Doanh thu						
Từ khách hàng bên ngoài	1.030.425.909	430.813.823	329.957.137	26.776.777	-	1.817.973.646
Giữa các bộ phận	72.962.982	135.667.252	2.161.420	12.463.311	223.254.965	-
Tổng cộng	1.103.388.891	566.481.075	332.118.557	39.240.088	223.254.965	1.817.973.646
Tại 30/6/2016						
Tài sản của bộ phận	3.040.273.480	1.731.607.511	645.422.070	287.467.954	-	5.704.771.015
Tăng/(giảm) tài sản cố định	27.910.008	(57.444.908)	52.574.405	(43.431.436)	-	(20.391.931)

30. DOANH THU THUẬN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Từ 01/01/2017 đến 30/6/2017 VND	Từ 01/01/2016 đến 30/6/2016 VND
Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.730.805.849.147	1.825.887.291.813
Trong đó:		
Doanh thu dịch vụ taxi	1.436.306.295.111	1.602.428.744.354
Doanh thu dịch vụ xe cho thuê	25.435.306.814	25.722.132.036
Doanh thu dịch vụ bảo dưỡng, sửa chữa, bán vật tư, phụ tùng, hàng hóa	52.784.886.399	59.797.202.993
Doanh thu bán xe	58.051.586.446	13.465.454.544
Doanh thu cho thuê thương hiệu	42.788.138.481	12.388.489.119
Doanh thu dịch vụ vận tải hành khách đường bộ, vận chuyển du lịch	16.931.367.000	22.881.936.172
Doanh thu dịch vụ quảng cáo	33.809.947.724	24.253.190.544
Doanh thu cung cấp dịch vụ cho thuê phương tiện vận tải, tài sản, mặt bằng	29.419.430.037	34.137.894.187
Doanh thu các dịch vụ khác	35.278.891.135	30.812.247.864
Các khoản giảm trừ doanh thu	(9.008.431.292)	(7.913.645.935)
Chiết khấu thương mại	(9.008.431.292)	(7.913.645.935)
	1.721.797.417.855	1.817.973.645.878

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MAI LINH
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN/HN

31. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Từ 01/01/2017 đến 30/6/2017 VND	Từ 01/01/2016 đến 30/6/2016 VND
Giá vốn dịch vụ taxi	1.278.470.210.419	1.389.620.683.981
Giá vốn dịch vụ xe cho thuê	15.439.092.687	18.923.818.702
Giá vốn dịch vụ bảo dưỡng, sửa chữa, bán vật tư, phụ tùng, hàng hóa	42.933.802.474	52.549.691.225
Giá vốn bán xe	39.070.053.910	13.465.454.544
Giá vốn dịch vụ vận tải hành khách đường bộ, vận chuyển du lịch	16.792.610.918	26.435.994.281
Giá vốn dịch vụ quảng cáo	8.277.754.300	2.208.988.181
Giá vốn cung cấp dịch vụ cho thuê phương tiện vận tải, tài sản, mặt bằng	16.854.811.464	20.074.811.461
Giá vốn các dịch vụ khác	19.476.294.059	9.888.031.135
	<u>1.437.314.630.231</u>	<u>1.533.167.473.510</u>

32. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Từ 01/01/2017 đến 30/6/2017 VND	Từ 01/01/2016 đến 30/6/2016 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	451.541.218.442	350.009.737.549
Chi phí nhân công	766.429.446.213	771.478.037.863
Chi phí khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	267.612.213.325	262.979.758.724
Chi phí dịch vụ mua ngoài	81.855.319.324	254.067.226.650
Chi phí khác	114.332.612.253	100.724.334.680
	<u>1.681.770.809.557</u>	<u>1.739.259.095.466</u>

33. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Từ 01/01/2017 đến 30/6/2017 VND	Từ 01/01/2016 đến 30/6/2016 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	4.803.678.434	1.906.820.732
Lãi chênh lệch tỷ giá	17.790.780	637.112.580
Thu lãi bán hàng trả chậm, trả góp	1.110.506.166	1.242.406.048
Lãi từ thanh lý đầu tư công ty con	1.774.000.000	-
Doanh thu hoạt động tài chính khác	1.257.801.609	8.633.695.728
	<u>8.963.776.989</u>	<u>12.420.035.088</u>

34. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Từ 01/01/2017 đến 30/6/2017 VND	Từ 01/01/2016 đến 30/6/2016 VND
Lãi tiền vay	82.080.336.386	94.994.422.790
Lãi thuê tài chính	7.523.597.504	593.110.000
Lỗ chênh lệch tỷ giá	-	312.396.509
Chi phí hoạt động tài chính khác	6.902.276.079	3.034.248.634
	<u>96.506.209.969</u>	<u>98.934.177.933</u>

35. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

Các khoản chi phí bán hàng

	Từ 01/01/2017 đến 30/6/2017 VND	Từ 01/01/2016 đến 30/6/2016 VND
Chi phí nhân viên	35.124.877.572	30.407.916.557
Chi phí vật liệu, công cụ dụng cụ	491.088.047	160.223.694
Chi phí khấu hao tài sản cố định	53.659.171	22.695.003
Chi phí quảng cáo, tiếp thị, hoa hồng	3.019.976.522	6.768.828.082
Chi phí dịch vụ mua ngoài	25.539.401.653	20.669.238.831
Chi phí bằng tiền khác	18.975.776.088	10.134.175.345
	83.204.779.053	68.163.077.512

Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp

	Từ 01/01/2017 đến 30/6/2017 VND	Từ 01/01/2016 đến 30/6/2016 VND
Chi phí lương nhân viên	90.853.485.759	91.636.339.559
Chi phí vật liệu, công cụ dụng cụ	3.008.498.771	1.428.957.275
Chi phí đồ dùng văn phòng	2.594.499.235	2.919.723.172
Chi phí khấu hao tài sản cố định	5.642.433.415	5.144.760.637
Thuế, phí và lệ phí	347.876.314	1.216.609.470
Chi phí dự phòng	-	742.288.036
Chi phí dịch vụ mua ngoài	20.979.941.480	10.006.284.410
Chi phí bằng tiền khác	34.623.972.202	31.610.544.489
Lợi thế thương mại	3.200.693.097	11.009.370.630
	161.251.400.273	155.714.877.678

36. LỢI NHUẬN KHÁC

	Từ 01/01/2017 đến 30/6/2017 VND	Từ 01/01/2016 đến 30/6/2016 VND
Thu tiền phạt, tiền bồi thường	5.054.071.294	5.934.407.425
Thu từ thanh lý nhượng bán tài sản cố định	51.584.589.411	60.279.229.221
Khác	34.980.430.382	40.715.808.932
Thu nhập khác	91.619.091.087	106.929.445.578
Tiền phạt, tiền bồi thường	5.371.258.240	2.815.549.724
Giá vốn thanh lý nhượng bán tài sản cố định	150.097.724	-
Chi phí xử lý công nợ	-	127.273.019
Khác	9.624.487.679	12.865.845.908
Chi phí khác	15.145.843.643	15.808.668.651
Lợi nhuận khác	76.473.247.444	91.120.776.927

37. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Từ 01/01/2017 đến 30/6/2017 VND	Từ 01/01/2016 đến 30/6/2016 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế hợp nhất	28,957,422,763	65,534,851,260
Điều chỉnh do hợp nhất	4,562,394,716	(12,346,400,265)
Điều chỉnh khác	-	17,291,250,081
Lợi nhuận trước thuế	33,519,817,478	70,479,701,076
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	9,885,618,343	2,496,011,107
Chuyển lỗ và điều chỉnh khác	(3,307,629,697)	(12,615,637,507)
Lỗ từ các Công ty con	(1,431,182,444)	485,971,181
Thu nhập chịu thuế	38,666,623,679	60,846,045,857
Thu nhập chịu thuế suất 20%	38,666,623,679	60,846,045,857
Thuế thu nhập doanh nghiệp trước điều chỉnh	7,733,324,736	12,169,209,170
Điều chỉnh khác	1,020,606,691	121,281,578
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	8,753,931,427	12,290,490,748
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	116,716,137	542,482,428
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	8,870,647,564	12,832,973,176

Tập đoàn có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất phổ thông 20% trên thu nhập chịu thuế trong năm 2017 (năm 2016: 20%).

Cơ quan thuế đã quyết toán thuế của Công ty mẹ cho đến ngày 31 tháng 12 năm 2016.

Số liệu chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 là số liệu tạm tính. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 sẽ được tính toán vào cuối năm tài chính.

38. LÃI CƠ BÀN TRÊN CỔ PHIẾU

	Từ 01/01/2017 đến 30/6/2017 VND	Từ 01/01/2016 đến 30/6/2016 VND
Lợi nhuận trong kỳ phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	11.436.736.125	38.116.073.407
Trừ: Số tiền trích quỹ khen thưởng phúc lợi	(544.525.534)	-
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	10.892.210.591	38.116.073.407
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	98.579.423	98.579.423
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	110	387

39. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Tập đoàn là bên đi thuê

	Từ 01/01/2017 đến 30/6/2017 VND	Từ 01/01/2016 đến 30/6/2016 VND
Chi phí thuê hoạt động tối thiểu đã ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ	174.223.418.206	148.207.472.655

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MAI LINH
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN/HN

Trong kỳ, Tập đoàn đã có các giao dịch sau với các bên liên quan:

	Từ 01/01/2017 đến 30/6/2017 VND	Từ 01/01/2016 đến 30/6/2016 VND
Bán hàng		
Nhóm Công ty Cổ phần Mai Linh Tây Nam Bộ	-	611.313.357
Công ty TNHH MTV Kiểm định Đồng hồ Sài Gòn Taxi	2.000.000	2.754.544
Công ty Cổ phần Vận tải Tốc hành Mai Linh	11.450.000	211.134.166
Công ty Cổ phần đại lý Vận Tải hàng không Mai Linh	-	6.203.000
Công ty TNHH Du lịch Mai Linh	34.353.636	113.891.822
Công ty TNHH Du lịch Toàn Cầu Việt	181.905.021	441.381.434
Công ty TNHH Vận chuyển Hàng hóa Mai Linh	-	4.179.000
Công ty Cổ phần Vận tải Hành khách Mai Linh	-	13.261.000
Công ty TNHH Dịch vụ và Du lịch Lữ hành Mai Linh	47.909.091	-
Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư Hồ Huy	307.236.239	129.582.329
Công ty Cổ phần Thương mại và Đầu tư H.H&T	953.360.911	119.659.094
	1.538.214.898	1.653.359.746

	Từ 01/01/2017 đến 30/6/2017 VND	Từ 01/01/2016 đến 30/6/2016 VND
Mua hàng		
Nhóm Công ty Cổ phần Mai Linh Tây Nam Bộ	2.602.363.638	3.321.532.642
Công ty TNHH MTV Kiểm định Đồng hồ Sài Gòn Taxi	575.635.000	546.690.000
Công ty Cổ phần Vận tải Tốc hành Mai Linh	2.777.318.182	3.004.566.387
Công ty TNHH Vận chuyển Hàng hóa Mai Linh	-	1.969.585
Công ty TNHH Du lịch Mai Linh	1.803.367.307	544.804.545
Công ty TNHH Du lịch Toàn Cầu Việt	397.908.756	326.700.208
Công ty Cổ phần Vận tải Hành khách Vina Taxi	-	10.275.018
Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư Hồ Huy	35.737.677.198	34.047.209.255
Công ty TNHH Dịch vụ Bảo vệ An Ninh	-	131.789.409
Công ty Cổ phần TMDV Thiết kế và In bao bì Năng Động	1.511.187.431	1.540.094.947
Công ty Cổ phần Mai Linh Đông Đô	2.327.154.455	9.383.421.542
Công ty Cổ phần Thương mại và Đầu tư H.H&T	43.003.504.646	42.505.101.583
Công ty TNHH MTV Thương mại Mai Linh	13.212.727.273	-
Công ty TNHH Dệt May Hạnh Linh	1.422.681.182	-
Công ty TNHH Dịch vụ và Du lịch Lữ hành Mai Linh	460.559.091	-
	105.832.084.158	95.364.155.121

	Từ 01/01/2017 đến 30/6/2017 VND	Từ 01/01/2016 đến 30/6/2016 VND
Thu nhập từ lãi cho vay		
Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư Hồ Huy	1.451.280.000	1.599.047.333
Công ty Cổ phần Vận tải Tốc hành Mai Linh	303.933.334	1.924.987.423
	1.755.213.334	3.524.034.756

Thu nhập Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc được hưởng trong kỳ như sau:

	Từ 01/01/2017 đến 30/6/2017 VND	Từ 01/01/2016 đến 30/6/2016 VND
Lương và các khoản phúc lợi	3.994.565.000	4.221.170.000
	3.994.565.000	4.221.170.000

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MAI LINH
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN/HN

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kế thúc kỳ hoạt động:

	30/6/2017 VND	31/12/2016 VND
Phải thu khách hàng các bên liên quan ngắn hạn		
Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư Hồ Huy	523.037.360	560.447.906
Công ty TNHH Du Lịch Mai Linh	43.562.261.720	43.562.261.720
Công ty Cổ phần Vận tải Tốc hành Mai Linh	86.980.530.428	87.041.677.029
Các công ty liên quan khác (đồng Chủ tịch, đồng kiểm soát, liên kết), bao gồm:	16.975.762.783	17.225.397.447
<i>Công ty TNHH Du lịch Toàn Cầu Việt</i>	<i>290.426.588</i>	<i>622.433.285</i>
<i>Công ty Cổ phần Vận tải Hành khách Vina Taxi</i>	<i>8.856.081</i>	<i>8.856.081</i>
<i>Công ty Cổ phần Xuân Mai</i>	<i>1.570.882.195</i>	<i>1.570.882.195</i>
<i>Nhóm Công ty Cổ phần Mai Linh Tây Nam Bộ</i>	<i>15.105.108.919</i>	<i>15.022.736.886</i>
<i>Công ty Cổ phần Thương mại và Đầu tư H.H&T</i>	<i>489.000</i>	<i>489.000</i>
	<u>148.041.592.291</u>	<u>148.389.784.102</u>

Phải thu về cho vay các bên liên quan được trình bày ở Thuyết minh số 6 - Phải thu về cho vay

	30/6/2017 VND	31/12/2016 VND
Phải thu khác của các bên liên quan ngắn hạn		
Công ty Cổ Phần Thương mại Dịch vụ Thiết Kế và In Bao bì Năng động	-	98.822.973
Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư Hồ Huy	9.402.725.357	9.605.526.395
Công ty TNHH MTV Thương mại Mai Linh	20.984.398.835	16.460.621.459
Nhóm Công ty Cổ phần Mai Linh Tây Nam Bộ	30.869.169.264	33.811.224.428
Công ty TNHH MTV Kiểm định Đồng hồ Sài Gòn Taxi	34.742.411	34.742.411
Công ty Cổ phần Vận tải Tốc hành Mai Linh	251.939.708.780	251.385.201.196
Công ty TNHH Du lịch Toàn Cầu Việt	15.968.130	27.665.363
Công ty TNHH Du lịch Mai Linh	66.718.419.564	66.799.022.224
Công ty Cổ phần Xuân Mai	5.272.877.469	5.272.877.469
Công ty Cổ phần Vận tải Hành khách Vina Taxi	7.561.415.638	7.509.145.888
Công ty Cổ phần Thương mại và Đầu tư H.H&T	231.000	-
Công ty Cổ phần Vận tải Hành khách Mai Linh	757.501.761	750.763.641
Công ty Cổ phần Năng Lượng Mai Linh	3.128.861.729	3.128.861.729
Công ty TNHH Nước khoáng Mai Linh	374.736.581	374.736.581
Ông Hồ Huy	60.223.783.508	60.223.783.508
	<u>457.284.540.027</u>	<u>455.482.995.265</u>

	30/6/2017 VND	31/12/2016 VND
Phải trả người bán ngắn hạn là các bên liên quan		
Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư Hồ Huy	8.601.600.579	13.982.033.255
Công ty Cổ Phần Thương mại Dịch vụ Thiết Kế và In Bao bì Năng Động	830.541.354	949.567.244
Nhóm Công ty Cổ phần Mai Linh Tây Nam Bộ	2.044.297.293	3.400.763.214
Công ty TNHH MTV Kiểm định Đồng hồ Sài Gòn Taxi	1.128.403.976	1.499.507.976
Công ty Cổ phần Vận tải Tốc hành Mai Linh	37.109.817	546.284.817
Công ty TNHH Du lịch Toàn Cầu Việt	103.693.332	54.413.332
Công ty Cổ phần Thương mại và Đầu tư H.H&T	7.713.329.531	7.263.415.082
Công ty TNHH DV Bảo Vệ An Ninh	937.475.500	865.010.270
Công ty TNHH Thương Mại Mai Linh	10.309.228.500	-
	<u>31.705.679.882</u>	<u>28.560.995.190</u>

01001
 CH
 CỔ
 RÁCH
 DEL
 VI
 17-TR

	30/6/2017 VND	31/12/2016 VND
Phải trả khác các bên liên quan ngắn hạn		
Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư Hồ Huy	4.934.783.766	5.556.097.855
Công ty Cổ Phần Thương mại Dịch vụ Thiết Kế và In Bao bì Năng Động	177.642.835	72.946.070
Nhóm Công ty Cổ phần Mai Linh Tây Nam Bộ	10.385.440.537	11.554.849.072
Công ty TNHH MTV Kiểm định Đồng hồ Sài Gòn Taxi	442.017.000	436.077.000
Công ty Cổ phần Vận tải Tốc hành Mai Linh	3.389.592.266	3.077.918.294
Công ty TNHH Du lịch Toàn Cầu Việt	431.846.919	67.346.919
Công ty TNHH Du lịch Mai Linh	2.151.276.987	2.109.626.693
Công ty TNHH Vận chuyển Hàng hóa Mai Linh	26.885.000	4.017.514
Công ty TNHH Thương mại Mai Linh	256.039.897	1.350.035.997
Công ty Cổ phần Thương mại và Đầu tư H.H&T	20.923.578.302	14.936.884.789
Chi nhánh Công ty TNHH Dịch Vụ Bảo Vệ An Ninh	20.405.000	20.405.000
Công ty Nước Khoáng Mai Linh	21.467.157	21.467.157
	<u>43.160.975.666</u>	<u>39.207.672.360</u>

	30/6/2017 VND	31/12/2017 VND
Vay ngắn hạn các bên liên quan		
Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư Hồ Huy	3.700.000.000	3.700.000.000
Công ty TNHH MTV Thương mại Mai Linh	80.485.850.000	75.940.000.000

12500-06
 NHÁNH
 NG TY
 HIỂM HỮU
 OITTE
 T NAM
 HỒ CH
 NG
 PH.
 O.
 V.
 H.

42. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ**

Tiền chi mua tài sản cố định và chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong kỳ bao gồm 45.318.997.548 đồng, là số tiền dùng để mua sắm tài sản cố định và xây dựng cơ bản dở dang phát sinh trong các kỳ trước đã được thanh toán trong này. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần thay đổi các khoản phải trả.

Tiền chi mua tài sản cố định và chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong kỳ không bao gồm 15.252.349.910 đồng (kỳ hoạt động kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 là: 24.291.325.588 đồng), là số tiền dùng để mua sắm tài sản cố định và xây dựng cơ bản dở dang trong kỳ mà chưa được thanh toán. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần thay đổi các khoản phải trả.

Tiền chi mua tài sản cố định và chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong kỳ không bao gồm 18.556.390.915 đồng (kỳ hoạt động kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 là 95.651.045.490 đồng), là số tiền dùng để mua sắm tài sản cố định và xây dựng cơ bản dở dang trong kỳ bằng cách nhận nợ thuê tài chính. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên tiền thu từ đi vay.

Tiền lãi vay đã trả trong kỳ không bao gồm 507.111.580 đồng (kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016: 731.563.430 đồng) là số tiền lãi vay phát sinh trong kỳ mà chưa được thanh toán. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần thay đổi các khoản phải trả.

Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định trong kỳ không bao gồm 9.471.588.988 đồng (kỳ hoạt động kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016: 66.567.318.127 đồng), là số tiền thu được từ thanh lý tài sản cố định qua hình thức cản trừ công nợ phải thu và phải trả. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần thay đổi các khoản phải thu và phải trả.

Tiền thu hồi đầu tư vốn vào đơn vị khác trong kỳ không bao gồm 48.930.000.000 đồng, là số tiền thu hồi đầu tư vốn vào đơn vị khác nhưng chưa được thanh toán. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần thay đổi các khoản phải thu.



Trần Thị Hồng Minh
Người lập biểu



Trịnh Bá Cường
Kế toán trưởng



Đỗ Văn Thắng
Tổng Giám đốc

Ngày 15 tháng 9 năm 2017

